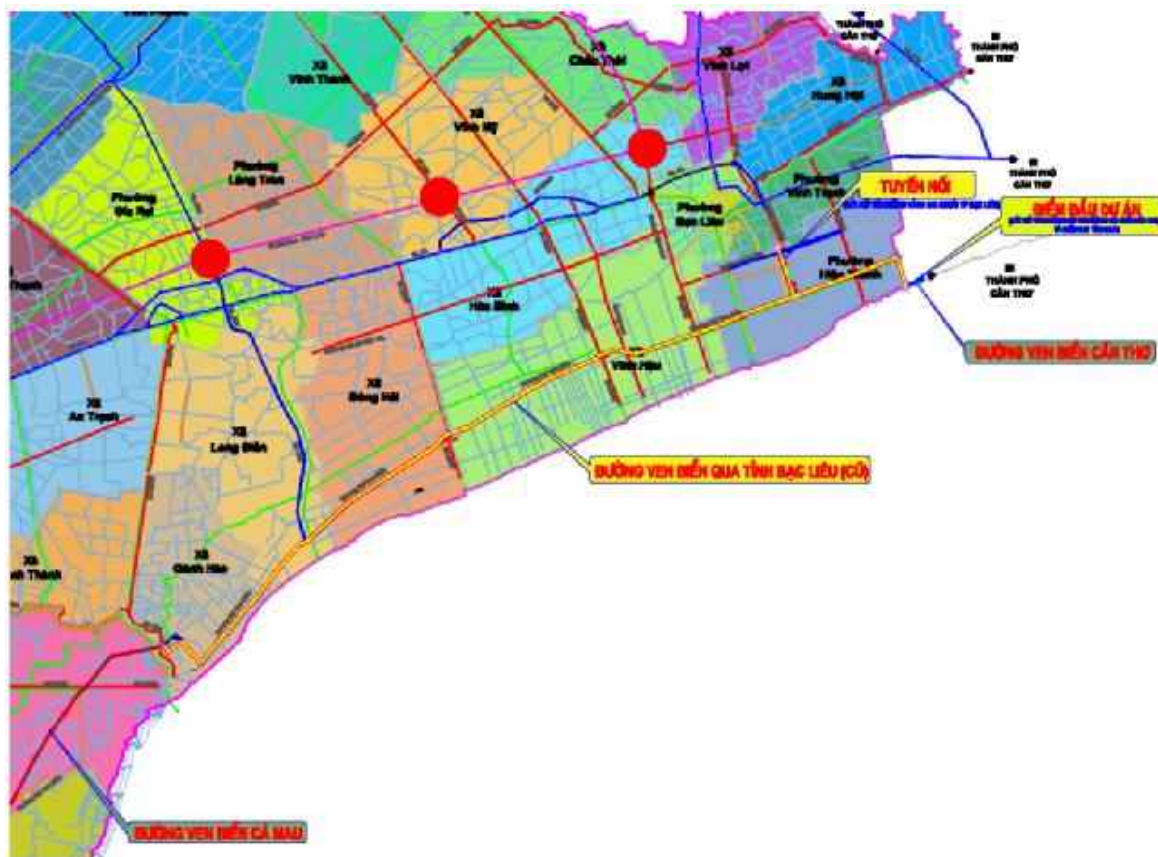


§ - >

COASTAL ROAD CONSTRUCTION PROJECT PASSING BAC LIEU PROVINCE AND THE BRANCH CONNECTING TO THE SONG HAU SOUTH ROAD

TẬP 4: PHỤ LỤC

PART IV. APPENDIX



TỰ VẤN TRƯỜNG SƠN



**PDIU
VIETNAM**
Our vision. Your future.

**CÔNG TY TNHH PDIC
VIỆT NAM**



**DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN ĐOẠN QUA TỈNH BẠC LIÊU
VÀ ĐOẠN NHÁNH KẾT NỐI ĐƯỜNG NAM SÔNG HẬU
COASTAL ROAD CONSTRUCTION PROJECT PASSING
BAC LIEU PROVINCE AND THE BRANCH CONNECTING
TO THE SONG HAU SOUTH ROAD**

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI/PRE-FEASIBILITY STUDY REPORT

**TẬP 4: PHỤ LỤC
PART IV. APPENDIX**

Thực hiện/Prepared by

: Tạ Hồng Hải

Phòng thiết kế 2/Design Department 2

: Nguyễn Tiến Long

Chủ nhiệm dự án/Project Manager

: Nguyễn Hồng Trung

KCS/Quality's Control

: Vũ Thị Thanh Hương

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
TRƯỜNG SƠN**



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Xuân Long

**DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN ĐOẠN QUA TỈNH BẠC LIÊU
VÀ ĐOẠN NHÁNH KẾT NỐI ĐƯỜNG NAM SÔNG HẬU**

**COASTAL ROAD CONSTRUCTION PROJECT PASSING BAC LIEU PROVINCE
AND THE BRANCH CONNECTING TO THE SONG HAU SOUTH ROAD**

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI
PRE-FEASIBILITY STUDY REPORT**

THÀNH PHẦN HỒ SƠ/DOSSIER COMPONENTS

STT	TÊN HỒ SƠ/DOCUMENTS	
1	TẬP 1/PART 1: THUYẾT MINH/ EXPLANATION	
2	TẬP 2/PART 2: THIẾT KẾ SƠ BỘ/ PRELIMINARY	
3	TẬP 3/PART 3: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/ TOTAL INVESTMENT	
4	TẬP 4/PART 4: PHỤ LỤC/APPENDIX	✓

PHỤ LỤC I: CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
APPENDIX I: DOCUMENTS RELATED TO THE PROJECT'S INVESTMENT POLICY

TT/NO	SỐ VĂN BẢN/DOCUMENT NUMBER	NGÀY PHÁT HÀNH/RELEASE DATE	ĐƠN VỊ/UNIT	NỘI DUNG/CONTENT
I	Văn bản pháp lý của Thủ tướng Chính phủ/ Legal documents issued by the Prime Minister			
1	Số 968/QĐ-TTg	12/9/2024	Thủ tướng Chính phủ/ Prime Minister	Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
2	Số 986/QĐ-TTg	22/5/2025	Thủ tướng Chính phủ/ Prime Minister	V/v Đề xuất Dự án “Đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu”, sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).
II	Văn bản pháp lý của tỉnh Cà Mau/Legal documents of Ca Mau			
1	Số 98/TB/TU	05/9/2025	Tỉnh ủy Cà Mau/ Ca Mau Provincial Party Committee	V/v THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY về tiến độ triển khai đầu tư Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu và Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau.
2	Số 568/QĐ-UBND	27/2/2026	Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau/ Ca Mau Provincial People’s Committee	QUYẾT ĐỊNH Phê duyệt điều chỉnh Quy Hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT/NO	SỐ VĂN BẢN/DOCUMENT NUMBER	NGÀY PHÁT HÀNH/RELEASE DATE	ĐƠN VỊ/UNIT	NỘI DUNG/CONTENT
3	Số 4431/UBND- NNXD	30/3/2026	Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau/ Ca Mau Provincial People's Committee	V/v Thống nhất phương án hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
4	số 2269/QĐ-UBND	ngày 20/12/2024	UBND tỉnh Bạc Liêu/ Bac Lieu Provincial People's Committee	V/v Phê duyệt dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1).
III	Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ/ Document containing comments from the Ministries			
1	Số 7312/BXD- KHTC	19/5/2026	Bộ Xây dựng/Ministry of Construction	V/v tham gia ý kiến về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
2	Số 6497/BTC-QLN	20/5/2026	Bộ Tài chính/ Ministry of Finance	V/v góp ý kiến BCNC tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu của UBND tỉnh Cà Mau, sử dụng vốn vay ADB.
IV	Văn bản tham gia ý kiến của các Sở/ Document containing comments from the Departments			

TT/NO	SỐ VĂN BẢN/DOCUMENT NUMBER	NGÀY PHÁT HÀNH/RELEASE DATE	ĐƠN VỊ/UNIT	NỘI DUNG/CONTENT
1	Số 1720/SNNMT- QLĐĐ	03/3/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường/ Department of Agriculture and Environment	V/v Góp ý phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
2	Số 2062/STC-ĐT	09/3/2026	Sở Tài chính/ Department of Finance	V/v góp ý phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
3	Số 2184/SXD- QLXD	27/3/2026	Sở Xây dựng/ Department of Construction	V/v phương án hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
4	Số 2996/SXD- QLXD	22/4/2026	Sở Xây dựng/ Department of Construction	V/v góp ý thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
V	Văn bản tham gia ý kiến của Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau/ Committee's comments document Ca Mau Province Transportation Construction Project Management Board			
1	Số 72/BQLDAGT	28/1/2026	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau/ Ca Mau Province Transportation Construction Project Management Board	V/v “Thống nhất hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

TT/NO	SỐ VĂN BẢN/DOCUMENT NUMBER	NGÀY PHÁT HÀNH/RELEASE DATE	ĐƠN VỊ/UNIT	NỘI DUNG/CONTENT
V	<i>Các văn bản tham gia ý kiến của địa phương về Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Local documents containing comments on the appraisal of the Pre- Feasibility Study Report</i>			
1	Số 357/UBND	17/04/2026	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền/ Long Dien Commune People's Committee	về việc Góp ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
2	Số 508/CAT-ANKT	20/4/2026	Công An tỉnh Cà Mau/ Ca Mau Provincial Police Department	V/v góp ý thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
3	Số 937/UBND	21/4/2026	Ủy ban nhân dân Xã Gành Hào/ Ganh Hao Commune People's Committee	V/v góp ý thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
4	Số 637/UBND-PKT	22/4/2026	Ủy ban nhân dân xã Đông Hải/ Dong Hai Commune People's Committee	V/v lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.
5	Số 962/UBND- KTHTĐT	22/4/2026	Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành/ Hiep Thanh Ward People's Committee	V/v góp ý thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

TT/NO	SỐ VĂN BẢN/DOCUMENT NUMBER	NGÀY PHÁT HÀNH/RELEASE DATE	ĐƠN VỊ/UNIT	NỘI DUNG/CONTENT
6	Số 923/UBND-KT	23/4/2026	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Trạch/ Vinh Trach Ward People's Committee	V/v góp ý thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 968/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 6
	Ngày: 13/9/2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3482/BKHĐT-QLQH ngày 08 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan, tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong Phụ lục II (kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2). Huyện

90





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 968 /QĐ-TTg
ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*).

- Phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành Trung ương và địa phương thực hiện các đề án, dự án; phân kỳ đầu tư các dự án; đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch và điều chỉnh (nếu cần).

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra. Đồng thời, đảm bảo đồng bộ hệ thống các quy hoạch phục vụ phát triển tỉnh; bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành cấp quốc gia và Quy hoạch vùng.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính phù hợp, tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội; tạo đột phá thu hút đầu tư trong phát triển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư và thực hiện nghiêm công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Đến năm 2025: Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

Trong năm 2024 - 2025: Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch. Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long xây dựng, hoàn thiện thể chế của Vùng, xác định những chương trình, đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển vùng, phát triển ngành gắn với cơ chế phù hợp, sử dụng vốn đầu tư công cho kích hoạt, kết nối nguồn lực tư nhân, tạo "tăng trưởng" lan tỏa trong toàn vùng, đặc biệt là Đề án xúc tiến đầu tư tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2030; Đề án xây dựng tỉnh Bạc Liêu trở thành trung tâm công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; Đề án xây dựng tỉnh Bạc Liêu trở thành trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước; Đề án xây dựng thành phố Bạc Liêu và các vùng lân cận được công nhận khu du lịch quốc gia; hoàn chỉnh danh mục các chương trình, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng và đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm.

Giai đoạn 2026 - 2030: Triển khai nghiên cứu, xây dựng hoặc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng các chương trình, đề án cơ chế chính sách phát triển, liên kết vùng gắn với lộ trình thực hiện cụ thể.

(Danh mục một số chương trình, đề án cơ chế, chính sách phát triển, liên kết vùng tại Phụ lục I kèm theo)

3. Các chương trình, dự án quan trọng để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế, khu đô thị động lực (*hành lang kinh tế ven biển từ Long An - Kiên Giang; đường cao tốc, đường ven biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*); hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hạ tầng điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp nước, thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin; kết cấu hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hạ tầng thương mại và dịch vụ, y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể thao, an sinh xã hội đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi; giao thông; hệ thống cảng; cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, phòng cháy, chữa cháy, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, cấp nước, xử lý chất thải rắn;....

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: Năng lượng tái tạo, năng lượng mới, chế biến nông, thủy sản; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số; các vùng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, thủy sản; giao thông vận tải; du lịch; ứng phó với biến đổi khí hậu, cấp nước, xử lý chất thải rắn; hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030:

- Định hướng danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện Quy hoạch tỉnh theo các ngành, lĩnh vực (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

- Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn trong quá trình triển khai theo các quy định của pháp luật liên quan.

4. Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2025 và Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2026 - 2030 theo đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất, đồng bộ, hiệu quả, thống nhất với Quy hoạch tỉnh.

Trường hợp có chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất, khu vực định hướng Quy hoạch đầu tư trong các Quy hoạch được phê duyệt trước đây khác so với Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng quy hoạch đầu tư của Quy hoạch tỉnh.

5. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Tỉnh Bạc Liêu dự kiến huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 400 - 450 nghìn tỷ đồng để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng GRDP là 11,5% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030; trong đó: Nhu cầu vốn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 180 - 190 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 220 - 260 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước	10,5 - 11% (tương đương 20.000 - 21.000 tỷ đồng)	9,5 - 10% (tương đương 21.000 - 25.000 tỷ đồng)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	76 - 77% (tương đương 137.000 - 145.000 tỷ đồng)	77,5 - 78,5% (tương đương 171.500 - 203.000 tỷ đồng)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	12,5 - 13% (tương đương 23.000 - 24.000 tỷ đồng)	12 - 12,5% (tương đương 27.500 - 32.000 tỷ đồng)

Về huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư: Tập trung huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức đấu giá quỹ nhà, đất công để bổ sung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Khai thác quỹ đất vùng phụ cận các hành lang kinh tế để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiên cứu ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương nhằm huy động các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án quan trọng về kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi, cấp nước, ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả các nguồn ngân sách Trung ương, tập trung đầu tư các công trình trọng điểm theo định hướng phát triển của tỉnh. Theo đó, cần xác định rõ các định hướng, điểm mạnh của từng ngành, từng vùng; xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư; tập trung nguồn vốn ngân sách cho các dự án quan trọng có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển, làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư". Tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo nguồn vốn đầu tư công sử dụng có hiệu quả. Đồng thời, quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước; có các biện pháp phát triển nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển.

- Đối với vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước: Tập trung thu hút các nhà đầu tư tư nhân lớn vào các dự án sản xuất, kinh doanh mà Tỉnh ưu tiên đầu tư; khuyến khích, ưu tiên mời gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính mạnh, uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp; thực hiện đấu thầu vào các dự án lớn trong các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: Nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng sạch, du lịch, chế biến, công nghệ thông tin, giáo dục, y tế,... Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư thông qua đối thoại doanh nghiệp,

triển lãm, xúc tiến đầu tư, tổ chức đấu thầu dự án; tiếp thị, xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh Bạc Liêu ra nước ngoài,... Tăng cường giám sát các dự án đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, nhất là thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; trong đó giảm các chi phí không chính thức; tăng cường khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp ngoài nhà nước; nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước; nâng cao tính năng động, tiên phong của chính quyền tỉnh; cải thiện thiết chế pháp lý, đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính, nhanh, gọn và minh bạch. Phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn kịp thời. Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp thông qua đối xử công bằng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Nâng cao tính minh bạch trong tiếp cận thông tin thông qua số hóa thông tin để đảm bảo công bằng cho khối doanh nghiệp tư nhân.

Bên cạnh đó, Tỉnh tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, tạo đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ,... Khuyến khích nguồn vốn xã hội hóa cho các dự án mang tính cộng đồng và các dự án nâng cao phúc lợi cho người dân như: Cải thiện trường lớp học, trang bị thiết bị dạy học, nâng cấp bệnh viện, khu vui chơi giải trí thể thao, cơ sở hạ tầng dân sinh,... góp phần giảm thiểu gánh nặng cho ngân sách địa phương. Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); trong đó cần lựa chọn các dự án đầu tư FDI có nền tảng công nghệ cao, phù hợp với định hướng của tỉnh và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng tính hiệu quả của cơ quan chuyên trách về FDI, đi song hành với doanh nghiệp FDI trong khai thác thị trường trong và ngoài nước, các giải pháp tăng tính liên kết vùng và quốc tế để tạo điều kiện xuất khẩu và các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng để thu hút FDI trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành

công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu; (iii) Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án tại Phụ lục II (kèm theo); (iv) Đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài biết, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức, thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, giải pháp để cụ thể hóa triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm, định hướng phát triển tại Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.



Phụ lục I
MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH
PHÁT TRIỂN, LIÊN KẾT VÙNG
(Kèm theo Quyết định số 968/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Một số chương trình, đề án quan trọng tỉnh Bạc Liêu chủ trì		
1	Đề án xúc tiến đầu tư tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2030	2024 - 2025	
2	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2025 - 2030	2024 - 2025	
3	Đề án nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác liên kết, thu hút đầu tư tạo động lực cho phát triển tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2025 - 2030	2024 - 2025	
4	Đề án xây dựng thành phố Bạc Liêu và các vùng lân cận được công nhận khu du lịch quốc gia	2024 - 2025	
II	Đề án tỉnh Bạc Liêu được giao phối hợp		
1	Đề án xây dựng tỉnh Bạc Liêu trở thành trung tâm công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long	2024-2025	Bộ Công Thương chủ trì
2	Đề án xây dựng tỉnh Bạc Liêu trở thành trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước	2024 - 2025	Bộ Công Thương chủ trì



Phụ lục II

**PHỤ LỤC II MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
PHÂN KỲ THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-TTg
ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
A	GIAO THÔNG				
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.979 (đoạn Phước Long - Vĩnh Lộc A)	X		Vốn NSNN	
2	Nâng cấp ĐT.980 (đoạn Giá Rai - Phó Sinh - Cạnh Đèn)	X	X	Vốn NSNN	
	- Đoạn Giá Rai - Phó Sinh		X		
	- Đoạn Phó Sinh - Cạnh Đèn	X			
3	Nâng cấp ĐT.978	X	X	Vốn NSNN	
	- Quốc lộ 1 - Quản lộ Phụng Hiệp		X		
	- Quản lộ Phụng Hiệp - Cầu Đầu Sấu (Ninh Quới - Ngan Dừa)	X			
	- Cầu Đầu Sấu - UBND xã Vĩnh Lộc A		X		
4	Xây dựng mới đường Vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	- Xây dựng mới đường Vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	X	X		
	- Xây dựng mới đường Vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 2)		X		
5	Xây dựng mới ĐT.977C (đường nối tiếp cao tốc Rạch Giá - thành phố Bạc Liêu đến đê biển)		X	ODA và vốn NSNN	
6	Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam sông Hậu	X	X	ODA và vốn NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
7	Nâng cấp ĐT.981 và ĐT.982B	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	- Xây dựng mới đường ĐT.982B	X	X		
	- Nâng cấp ĐT.981		X		
8	Nâng cấp ĐT.976 và ĐT.976B		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	- Nâng cấp ĐT.976		X		
	- Nâng cấp ĐT.976B		X		
9	Nâng cấp ĐT.982		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	- Xây dựng mới cầu Vàm Xáng		X		
	- Nâng cấp, mở rộng đường và các cầu còn lại trên tuyến		X		
10	Xây mới tuyến đường song hành phía Đông quốc lộ 1		X	Vốn NSNN và vốn ngoài NSNN	
B	ĐIỆN LỰC				
I	Dự án nguồn điện (không kể dự án điện khí đã xác định trong Quy hoạch điện VIII)				
1	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 3		X	Vốn ngoài NSNN	
2	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 2-1		X	Vốn ngoài NSNN	
3	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 4		X	Vốn ngoài NSNN	
4	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 6		X	Vốn ngoài NSNN	
5	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 8		X	Vốn ngoài NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
6	Nhà máy Điện gió Hoà Bình 5.1		X	Vốn ngoài NSNN	
7	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3		X	Vốn ngoài NSNN	
8	Nhà máy điện gió Đông Hải 13		X	Vốn ngoài NSNN	
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1		X	Vốn ngoài NSNN	
10	Nhà máy Điện gió Đông Hải 6		X	Vốn ngoài NSNN	
11	Nhà máy điện sinh khối, ấp Trà Bàn 1		X	Vốn ngoài NSNN	
II	Dự án lưới điện 110 KV				Ngành điện đầu tư
1	Đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu	X		Vốn NSNN	
2	Đường dây đầu nối trạm 110 kV Hiệp Thành	X		Vốn NSNN	
3	Đường dây đầu nối trạm 110 kV Ngan Dừa	X		Vốn NSNN	
4	Trạm 110kV Hiệp Thành	X		Vốn NSNN	
5	Trạm 110kV Ngan Dừa	X		Vốn NSNN	
6	Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Thạnh Trị - Sóc Trăng (Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Trạch Đông - Thạnh Trị - Sóc Trăng (AC185) thành dây phân pha AC-2x185)		X	Vốn NSNN	
7	Cải tạo đường dây 110kV		X	Vốn NSNN	
8	Cải tạo đường dây 110kV Hồng Dân - An Xuyên (Cà Mau)		X	Vốn NSNN	
9	Trạm 110kV Láng Trâm		X	Vốn NSNN	
10	Trạm 110kV Vĩnh Mỹ		X	Vốn NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
C	CẤP NƯỚC SẠCH				
1	Mở rộng nhà máy nước số 1	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Xây dựng mới nhà máy nước Giá Rai	X		Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3	Mở rộng nhà máy nước Gành Hào	X		Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4	Mở rộng nhà máy nước số 2		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5	Mở rộng nhà máy nước Phước Long		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6	Xây dựng mới nhà máy nước Phó Sinh		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Nhà máy nước Hòa Bình (mở rộng)		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
8	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về thành phố Bạc Liêu		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
9	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Phước Long		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
10	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Hồng Dân		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
D	CÔNG NGHIỆP				
1	Dự án hạ tầng khu công nghiệp Láng Trâm	X	X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
2	Dự án hạ tầng khu công nghiệp Bạc Liêu		X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
3	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Mỹ	X	X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
4	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Đồng Hải	X	X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
5	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Lợi		X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
6	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Chủ Chí		X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
7	Dự án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long		X	Vốn NSNN và ngoài NSNN	
Đ	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
I	Kè chống xói lở bờ biển				
1	Chống xói lở bờ biển Gành Hào, thị trấn Gành Hào	X		Vốn NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
II	Chống sạt lở bờ sông				
1	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn giữa G4 và G5)	X		Vốn NSNN	
2	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn G6)	X	X	Vốn NSNN	
3	Kè bờ sông, kênh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu (Phường 2,8, Nhà Mát)	X		Vốn NSNN	
4	Kè chống sạt lở bờ sông, kênh trên địa bàn thị xã Giá Rai	X	X	Vốn NSNN	
5	Kè chống ngập dọc tuyến quốc lộ 1 qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	X		Vốn NSNN	
III	Trồng rừng phòng hộ				
1	Dự án gây bồi, triệt sông, trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN	
IV	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão				
I	Dự án xây dựng khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào	X	X	Vốn NSNN	
V	Dự án thích ứng biến đổi khí hậu				
1	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế tỉnh Bạc Liêu (WB)	X	X	Vốn NSNN và WB	WB11
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu	X	X	Vốn NSNN và WB	
3	Dự án cải thiện hệ thống thủy lợi các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu vay vốn ODA Nhật Bản	X	X	Vốn NSNN và ODA Nhật Bản	
E	HẠ TÀNG THỦY LỢI				
1	Âu thuyền Hộ Phòng	X	X	Vốn NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
2	Âu thuyền Vàm Léo	X	X	Vốn NSNN	
3	Dự án đầu tư xây dựng mới cống Cái Tràm, Cầu Số 3, Chệt Niêu, Xóm Lung, Ấp Dôn, Cả Vĩnh, Nước Mặn	X	X	Vốn NSNN	
4	Xây dựng hệ thống cống phía Bắc kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	X	X	Vốn NSNN	
5	Xây dựng hệ thống trạm bơm điện liên huyện (456 trạm)	X	X	Vốn NSNN	
6	Xây dựng hạ tầng thủy lợi phục vụ 85 ha sản xuất giống thủy sản	X	X	Vốn NSNN	
7	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu vực nuôi tôm tập trung siêu thâm canh, thâm canh (khoảng 10.000 ha)	X	X	Vốn NSNN	
8	Xây dựng công trình cống Xẻo Chích		X	Vốn NSNN	
9	Xây dựng cống Gành Hào		X	Vốn NSNN	
10	Nâng cấp mở rộng trục kênh cấp nước từ Sóc Trăng - Bạc Liêu		X	Vốn NSNN	
G	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ				
1	Dự án chỉnh trang đô thị dọc sông Bạc Liêu - Cà Mau	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao Vĩnh Trạch Đông	X	X	Vốn ngoài NSNN	
3	Khu đô thị khóm 1 thị xã Giá Rai	X	X	Vốn ngoài NSNN	
4	Khu đô thị mới Phía Đông đường Võ Văn Kiệt, Phường 1	X	X	Vốn ngoài NSNN	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
5	Khu đô thị mới phía Nam đường Nguyễn Thị Minh Khai, quy mô 400 ha, Phường 5	X	X	Vốn ngoài NSNN	
6	Khu Văn hóa - Thể thao - Giáo dục và Đô thị sinh thái phía Tây Nam thành phố Bạc Liêu	X	X	Vốn ngoài NSNN	
7	Khu đô thị du lịch sinh thái và phát triển hỗn hợp tại phường Nhà Mát và xã Hiệp Thành (phía Đông đường Bạch Đằng)	X	X	Vốn ngoài NSNN	
8	Dự án khu đô thị mới 205ha, Phường 5 và phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	X	X	Vốn ngoài NSNN	
9	Khu nhà ở xã hội tập trung phía Bắc đường 23 tháng 8, Phường 7	X	X	Vốn ngoài NSNN	
10	Khu đô thị mới Phước Long	X	X	Vốn ngoài NSNN	
11	Khu đô thị mới phía Đông đường Vành đai trong	X	X	Vốn ngoài NSNN	
12	Nhà ở cho người thu nhập thấp	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Dự án khu dân cư Hòa Bình 1.	X	X	Vốn ngoài NSNN	
14	Hệ thống cống, mương dẫn thoát nước mưa đô thị	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
H	HẠ TẦNG VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
1	Phát triển hạ tầng mạng 5G	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Phát triển hạ tầng số	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3	Phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)	X	X	Vốn NSNN	
4	Xây dựng hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN	
5	Xây dựng hạ tầng chính quyền số	X	X	Vốn NSNN	
I	HẠ TẦNG XÃ HỘI				
I	Hạ tầng y tế				
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	X		Vốn NSNN	
2	Nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần	X		Vốn NSNN	
3	Nâng cấp Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		X	Vốn NSNN	
II	Hạ tầng giáo dục, đào tạo				
1	Nâng cấp, mở rộng Trường đại học Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN	
2	Nâng cấp, mở rộng Trường cao đẳng nghề Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN	
3	Xây dựng mới Trường dành cho người khuyết tật	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4	Xây dựng mới Trường phổ thông trung học Bạc Liêu	X	X	Vốn ngoài NSNN	Trường tư thực

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
5	Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vĩnh Lợi		X	Vốn NSNN	
III	Hạ tầng an sinh xã hội				
1	Nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy		X	Vốn NSNN	
IV	Hạ tầng văn hóa, thể thao				
1	Nâng cấp Nhà hát Cao Văn Lầu	X		Vốn NSNN	
2	Nâng cấp Di tích khảo cổ Tháp Vĩnh Hưng	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Xây mới Trung tâm văn hóa tỉnh	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Xây mới hồ bơi đạt chuẩn tổ chức các giải cấp quốc gia	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
K	HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI				
1	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Nhà Mát	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Hộ Phòng	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
3	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Chủ Chí	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Gành Hào	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Nâng cấp, cải tạo chợ Bạc Liêu 3		X	Vốn ngoài NSNN	
L	DU LỊCH				
1	Dự án khu du lịch Bạc Liêu - Nhà Mát	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Các dự án du lịch sinh thái kết hợp tham quan điện gió; du lịch kết hợp với nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản; nghề làm muối; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Dự án khu du lịch sinh thái vườn chim Bạc Liêu	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Dự án đầu tư xây dựng điểm du lịch, dịch vụ Tắc Sậy	X	X	Vốn ngoài NSNN	
5	Dự án đầu tư tuyến phố đi bộ đường Điện Biên Phủ gắn với mô hình văn hóa 03 dân tộc và nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
6	Dự án khu du lịch sinh thái di tích khảo cổ Quốc gia đặc biệt Tháp Vĩnh Hưng	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Dự án đầu tư điểm du lịch sinh thái cửa biển Gành Hào, du lịch tâm linh khu Lăng Ông Nam Hải		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Dự án cầu dẫn bến tàu du lịch Bạc Liêu - Côn Đảo, khu cảnh quan nhân tạo trên biển Bạc Liêu		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
9	Dự án khu du lịch văn hóa và resort nghỉ dưỡng		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
M	HẠ TẦNG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG				
1	Mở rộng khu xử lý chất thải rắn Châu Hưng, quy mô 23 ha	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Xây dựng mới nhà máy xử lý chất thải rắn khu vực Đông Hải - Giá Rai, quy mô 13 ha	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Xây dựng mới nhà máy xử lý chất thải rắn khu vực Hồng Dân - Phước Long, quy mô 20 ha	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
4	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải số 1, số 2	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải thị xã Giá Rai	X	X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
6	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Hồng Dân		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Phước Long		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Lợi		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
9	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Hòa Bình		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
10	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Đông Hải		X	Vốn NSNN và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030		
1	2	3	4	5	6
N	QUỐC PHÒNG, AN NINH				
1	Xây dựng trụ sở Ban CHQS huyện Hòa Bình	X		Vốn NSNN	
2	Xây dựng trụ sở Ban CHQS huyện Hồng Dân	X		Vốn NSNN	
3	Cải tạo và xây dựng khối chấn đạn Trường bắn/Bộ CHQS tỉnh	X	X	Vốn NSNN	
4	Trụ sở Ban CHQS phường Hộ Phòng	X		Vốn NSNN	
5	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Châu Hưng	X		Vốn NSNN	
6	Trụ sở Ban CHQS phường 7	X		Vốn NSNN	
7	Xây dựng cơ sở huấn luyện tỉnh (c894)		X	Vốn NSNN	
8	Xây dựng trường bắn cụm huyện Phước Long, huyện Hồng Dân		X	Vốn NSNN	
9	Xây dựng trường bắn cụm thị xã Giá Rai, huyện Đông Hải		X	Vốn NSNN	
10	Xây dựng kho, Trạm sửa chữa tổng hợp kỹ thuật tỉnh		X	Vốn NSNN	
11	Quy hoạch và xây dựng thao trường huấn luyện Ban CHQS Hòa Bình		X	Vốn NSNN	
12	Quy hoạch và xây dựng thao trường huấn luyện Ban CHQS Vĩnh Lợi		X	Vốn NSNN	
13	Kè chống sạt lở Trường bắn		X	Vốn NSNN	
14	Nhà khách BCHQS tỉnh		X	Vốn NSNN	
15	04 Công trình quốc phòng Quân khu		X	Vốn NSNN	
16	Xây dựng mới, nâng cấp các công trình đồn biên phòng, trạm kiểm soát biên phòng	X	X	Vốn NSNN	
17	Xây dựng trụ sở đội cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tại các huyện, thị xã, thành phố		X	Vốn NSNN	
18	Mở rộng mạng lưới cấp nước phục vụ phòng cháy - chữa cháy đô thị loại III trở lên		X	Vốn NSNN	Thành phố Bạc Liêu và thị xã Giá Rai



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 986 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về Đề xuất Dự án “Đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu”, sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và tỷ lệ vay lại vốn vay nước ngoài của các dự án vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 114/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 6293/BTC-QLN ngày 12 tháng 5 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề xuất Dự án “Đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu” (Dự án) của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: “Đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu”.

2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

3. Mục tiêu Dự án:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Hoàn thiện hạ tầng giao thông, kết nối thuận lợi với mạng lưới giao thông liên kết vùng và phù hợp với các quy hoạch khác tạo động lực phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thông qua tăng cường chuyên đổi kinh tế theo hướng bền vững và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Mở rộng không gian phát triển, tạo quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả tài nguyên biển và vùng ven biển, phát triển kinh tế biển theo chiến lược biển Việt Nam; thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu đô thị, du lịch, nuôi trồng thủy sản; tăng cường củng cố an ninh.

- Thúc đẩy hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng tiếp cận với không gian công cộng và nâng cao năng lực của tỉnh về quy hoạch, quản lý đất và đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới khoảng 53,12 km đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Cà Mau đạt quy mô đường cấp III đồng bằng. Trong đó, riêng đoạn qua thị trấn Gành Hào quy mô đường trục chính đô thị (lộ giới 24m). Các hạng mục sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống đường bộ ven biển theo Quy hoạch thích ứng biến đổi khí hậu và cải thiện khả năng liên kết vùng.

- Xây dựng 6,5 km đường trục chính đô thị theo quy hoạch lộ giới 36m kết nối từ đường Nam Sông Hậu (QL.91B) với tuyến đường bộ ven biển để hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông và thúc đẩy lưu thông vận chuyển hàng hóa, phát triển không gian hướng biển đảm bảo phát triển bền vững khu vực biển thành phố Bạc Liêu.

- Nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cho các bên liên quan trong vùng dự án để cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư và thu hút sự tham gia từ khối tư nhân, tăng cường năng lực thích ứng biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai, giảm phát thải cacbon, hướng tới nền kinh tế xanh.

4. Dự kiến tổng vốn vay nước ngoài của Dự án: 89.878.498 USD, tương đương 2.155.107 triệu đồng.

5. Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay nước ngoài: Cấp phát một phần và vay lại một phần.

Điều 2. Bộ Tài chính:

- Chịu trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền về nội dung báo cáo, đề xuất và kiến nghị, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục và đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Thông báo với ADB về Đề xuất dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và yêu cầu về mục tiêu, tiến độ, chất lượng dự án; xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền; báo cáo các cấp có thẩm quyền đối với vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, phối hợp với ADB lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về hiệu quả của Dự án; tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, nội dung đề xuất Dự án; chịu trách nhiệm thực hiện Dự án công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành; bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng và hoàn thành Dự án theo tiến độ được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTgCP, PTTg Bùi Thanh Sơn;
- Các Bộ: TC; XD; NNMT; VHTTDL;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg; các Vụ: KTTH, CN, NN, QHDP, PL, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3b). HN₆



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Bùi Thanh Sơn

TỈNH ỦY CÀ MAU

Số 98-TB/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tiến độ triển khai đầu tư Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh
Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu và
Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 05/9/2025, sau khi nghe Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiến độ triển khai đầu tư Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu và Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau (Báo cáo số 18-BC/ĐU, ngày 04/9/2025), Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất nội dung Báo cáo tiến độ triển khai đầu tư Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu và Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trên. Về kỹ thuật thi công dự án, cần lựa chọn phương án tổ chức thi công đảm bảo chất lượng, an toàn và khai thác hiệu quả công trình.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu phương án tách giải phóng mặt bằng thành một dự án riêng theo quy định của pháp luật để tạo chủ động cho địa phương, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, sớm hoàn thành dự án theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 131/CĐ-TTg ngày 11/8/2025. Đồng thời phân công 01 đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện dự án cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy (định kỳ 03 tháng) và Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (định kỳ 06 tháng).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo để Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy(cg).

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Huỳnh Quốc Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 568/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày

07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy Cà Mau về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 135/TTr-STC ngày 27 tháng 02 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 42/BC-HĐTD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

1. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phạm vi, ranh giới Quy hoạch gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Cà Mau và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ).

2. Tỉnh Cà Mau có tọa độ địa lý từ 8°30' - 9°38' vĩ độ Bắc và 104°32' - 105°52' kinh độ Đông. Ranh giới: Phía Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Đông Bắc giáp thành phố Cần Thơ; phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông; phía Tây giáp biển Tây.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Các quan điểm phát triển

- Phát triển tỉnh Cà Mau phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các chiến lược quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Chủ động nắm bắt các cơ hội, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt và lợi thế nổi trội về địa kinh tế, địa chiến lược của tỉnh duy nhất cả nước có 3 mặt tiếp giáp biển, địa đầu cực Nam của Tổ quốc, tiêu chí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh biển đảo, để phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Phát triển tỉnh Cà Mau dựa trên các trụ cột mà Trung ương và Đảng bộ tỉnh đã xác định; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm đột phá trong mô hình tăng trưởng mới, làm động lực then chốt của tăng trưởng; tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng hướng đến phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, trung tâm kinh tế biển phía Nam, cửa ngõ phía Tây Nam của quốc gia; gắn phát triển của tỉnh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước, khu vực và quốc tế.

- Sắp xếp, tổ chức không gian và liên kết các hoạt động kinh tế - xã hội đảm bảo tính kế thừa các định hướng đã được phê duyệt trong quy hoạch tỉnh của Cà Mau và Bạc Liêu trước đây; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với không gian mới sau hợp nhất tỉnh, hướng đến phát triển đa cực, đa trung tâm, liên kết chức năng giữa các hành lang kinh tế - trục động lực - cực tăng trưởng, để tăng cường kết nối nội tỉnh với bên ngoài; xây dựng không gian phát triển hướng biển, hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

- Tập trung huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; phát huy tối đa nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút, trọng dụng nhân tài, coi đây là thành tố quyết định của mô hình tăng trưởng mới dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát triển hài hòa, toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; lấy giá trị văn hóa và con người làm nền tảng, làm trung tâm cho phát triển; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa gắn với bảo tồn các giá trị di sản, lịch sử; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên, không đánh đổi môi trường và quốc phòng - an ninh lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc

phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo, chủ động phòng ngừa và xử lý hiệu quả từ sớm, từ xa các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Phát huy sức mạnh của Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thể trận lòng dân, xây dựng thể trận quốc phòng - an ninh vững chắc. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hợp tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; hình thành một số trung tâm liên kết ngành với quy mô cấp vùng; xây dựng Cà Mau trở thành địa phương mạnh về biển, phát triển đột phá các ngành kinh tế biển, nhất là kinh tế thủy sản, du lịch, năng lượng tái tạo, hàng hải,...; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với các địa phương trong vùng, cả nước và quốc tế. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; các lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển toàn diện; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Bảo vệ môi trường, bảo tồn các hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế để thu hút các nguồn lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2030, Cà Mau - tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới; một trong những trung tâm công nghiệp chế biến tôm và trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; cửa ngõ trung chuyển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

*** Về kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 5 năm từ 10% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 trên 6.000 USD.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đến năm 2030 khoảng 8,0 - 8,5%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm từ 40% GRDP trở lên.
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 từ 20% trở lên.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 17 tỷ USD.
- Tổng thu ngân sách 5 năm ít nhất 75.000 tỷ đồng.
- Tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 khoảng 20.000 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 40%.

** Về xã hội:*

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt trên 0,7.
- Phát triển nhà ở xã hội 5 năm trên 4.200 căn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 80% (trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: >35%).
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều mới) giảm khoảng 1,0 - 1,5%/năm.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đến năm 2030 dưới 30%.
- Số giường bệnh/vạn dân đạt khoảng 34,5 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt khoảng 14 bác sĩ.
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia khoảng 90%; 100% trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn.

** Về môi trường:*

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 12,4% (không tính diện tích cây phân tán).
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 65%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu kinh tế đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt đạt 95% trở lên.

** Về quốc phòng, an ninh:*

Thực hiện công tác tuyển quân, diễn tập hằng năm đạt 100%. Đến năm 2030, có ít nhất 50% địa bàn cấp xã “không ma túy”; phần đầu có 90% xã, phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Cà Mau là tỉnh phát triển, xã hội văn minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kinh tế Cà Mau phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số có năng suất lao động cao gắn với phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp mang bản sắc của con người Cà Mau nghĩa tình, mến khách. Môi trường sinh thái, đa dạng sinh học được bảo vệ, bảo tồn. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng thông minh, sinh thái; không gian nông thôn hiện đại, văn minh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số phát triển đồng bộ, hiện đại, tiệm cận với các nước phát triển về nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo. Quốc phòng, an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm

- a) Xác lập mô hình tăng trưởng mới theo hướng đẩy mạnh ứng dụng khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển bốn trụ cột:

- Xây dựng hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, tạo động lực phát triển và liên kết vùng.

- Phát triển kinh tế biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh với 03 mặt giáp biển.

- Phát triển nông nghiệp sạch theo hướng sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển dịch vụ - du lịch sinh thái kết hợp với tâm linh theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, khai thác tối đa bản sắc riêng con người và vùng đất Cà Mau.

b) Ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, quan trọng, có tác động và lan tỏa cao, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trong thời gian tới.

c) Phát triển văn hóa, xây dựng nguồn lực con người để thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

d) Phát huy hiệu quả hợp nhất tỉnh, củng cố hoạt động của chính quyền cấp xã để xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

5. Các đột phá phát triển

a) Đột phá trong xây dựng các chính sách tạo thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế tư nhân; phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, kinh tế số, kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ, logistics, du lịch sinh thái,... đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn tối đa các thủ tục đầu tư, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

b) Đột phá trong phát triển nguồn nhân lực: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh; thu hút được người có năng lực, trình độ cao, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng. Có chính sách đột phá về nhân tài, đủ sức cạnh tranh với các địa phương đang phát triển mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Cơ chế đãi ngộ gắn với hiệu quả công việc, môi trường sáng tạo và cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài.

c) Đột phá trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, ưu tiên: hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển, thủy lợi, hạ tầng năng lượng, hạ tầng du lịch; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, chuyển đổi số, phát triển các trung tâm khởi nghiệp; hạ tầng khu kinh tế, các khu công

nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển bền vững kinh tế biển gắn với khai thác hiệu quả Cảng tổng hợp lương dụng Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, trở thành cửa ngõ trung chuyển của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

1.1. Phương hướng chung

Ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gồm: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản; công nghiệp năng lượng (điện gió, LNG, hydrogen/amoniac xanh) và dịch vụ công nghiệp biển; dịch vụ cảng biển nước sâu - trung chuyển - dịch vụ hàng hải và logistics; du lịch biển - đảo - rừng ngập mặn (mô hình trải nghiệm, lưu trú dài ngày).

Quan tâm phát triển các nhóm ngành dịch vụ hỗ trợ và liên kết chuỗi giá trị như: Logistics và dịch vụ hậu cần chuỗi cung ứng; tài chính - ngân hàng - bảo hiểm; đào tạo nhân lực, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thương mại hỗ trợ và xúc tiến xuất khẩu là nền tảng, tạo kết nối thông suốt giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, cùng với các nhóm ngành chủ lực, đặc trưng, hình thành cấu trúc kinh tế đa tầng, linh hoạt và bền vững.

1.2. Phương hướng cụ thể theo ngành

a) Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp dựa trên lợi thế so sánh và điều kiện đặc thù về: (i) nguồn nguyên liệu thủy sản quy mô lớn, chất lượng cao; gắn với vùng nguyên liệu lúa (các ngành công nghiệp xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo); (ii) vị trí ven biển, hệ thống cảng biển - cảng cá; (iii) cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau; (iv) tiềm năng rất lớn về năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối,...). Định hướng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, xanh, bền vững, lấy công nghiệp chế biến nông - thủy sản và công nghiệp năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo, làm động lực dẫn dắt tăng trưởng.

Đến năm 2030, công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GRDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm ổn định và bảo đảm an ninh năng lượng địa phương, từng bước tham gia chuỗi giá trị khu vực và quốc gia.

Tổ chức không gian phát triển công nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng đa cực, phân vùng chức năng rõ ràng, gắn với lợi thế so sánh của từng khu vực. Hình thành cực công nghiệp năng lượng - kinh tế biển tại Khu kinh tế Năm Căn gắn với Cảng tổng hợp lương dụng Hòn Khoai; phát triển trung tâm công nghiệp chế biến nông, thủy sản tại tiểu vùng trung tâm; phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo, chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản tại khu vực phía Bắc tỉnh; mở rộng không

gian công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo và năng lượng mới tại tiểu vùng phía Đông, phía Tây và phía Nam. Phát triển có chọn lọc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái, dịch vụ - logistics tích hợp và các cụm liên kết ngành gắn với hệ thống cảng biển, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi giá trị quốc tế.

Đến năm 2050, xây dựng Cà Mau trở thành trung tâm công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản, trung tâm năng lượng sạch, năng lượng mới của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phía Nam. Công nghiệp phát triển theo chiều sâu, dựa trên đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Ngành năng lượng tái tạo, hydrogen xanh và công nghiệp chế biến sâu trở thành động lực tăng trưởng dài hạn, góp phần đưa Cà Mau phát triển nhanh, bền vững, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

b) Các ngành dịch vụ

Phát triển ngành dịch vụ, trọng tâm là thương mại và logistics, theo hướng hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, phấn đấu nâng cao tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh và tốc độ tăng giá trị gia tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Phát triển thị trường gắn với thị trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và thị trường quốc tế; thúc đẩy hoạt động xuất khẩu theo hướng phát triển bền vững; mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh, đa dạng hóa và khai thác hiệu quả các thị trường xuất khẩu tiềm năng; chú trọng nâng cao giá trị gia tăng thông qua chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và phát triển kinh tế của tỉnh. Ưu tiên phát triển thương mại nội địa theo hướng kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại; phát triển mạnh thương mại điện tử, hạ tầng thương mại và logistics gắn với các trục, hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hệ thống cảng biển.

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại, logistics và xuất nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, từng bước đưa thương mại - dịch vụ trở thành một trong những động lực quan trọng đóng góp vào tăng trưởng GRDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phát triển du lịch theo hướng xanh, bền vững, mang đậm bản sắc địa phương; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc thù và có sức cạnh tranh, lấy du lịch sinh thái, nông nghiệp, cộng đồng làm trụ cột, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học và sinh kế bền vững cho người dân. Du lịch văn hóa trở thành nhóm sản phẩm đặc thù, dựa trên việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và không gian văn hóa bản địa. Đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và là một trong những trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh đặc thù của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước khẳng định vị thế trong mạng lưới liên kết du lịch quốc gia và quốc tế. Đến năm 2050, du lịch trở thành một trong những động lực tăng trưởng chủ lực của tỉnh, mang thương hiệu quốc tế về du lịch sinh thái rừng - biển và văn hóa bản địa, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Phát triển ngành tài chính - ngân hàng - bảo hiểm theo hướng an toàn, bao trùm và bền vững, ưu tiên tín dụng xanh, nông nghiệp - thủy sản và bảo hiểm rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu trở thành ngành dịch vụ nền tảng, giữ vai trò huy động, phân bổ và dẫn dắt nguồn lực cho các ngành kinh tế trụ cột của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển ngân hàng số và dịch vụ tài chính hiện đại, nhất là ở khu vực nông thôn, ven biển góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng.

c) Ngành ngư, nông, lâm và diêm nghiệp

Phát triển ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, sạch, bền vững phù hợp với các tiểu vùng sinh thái. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, chế biến và phát triển thị trường. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện đại; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa lớn, giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Năm Căn, Khánh An, Sông Đốc gắn với vùng nuôi trồng thủy sản và năng lượng tái tạo.

Cà Mau tiếp tục phát huy vai trò “Trung tâm phát triển ngành tôm của Việt Nam”. Hình thành cụm liên kết ngành hàng tôm cấp vùng, gắn kết các khâu: Sản xuất giống - nuôi - chế biến - logistics - xuất khẩu - nghiên cứu - chuyển giao công nghệ - tài chính - bảo hiểm - thương mại điện tử - chứng nhận chất lượng. Xây dựng trung tâm nghiên cứu giống tôm quốc gia tại Cà Mau, đầu tư khu công nghiệp chế biến sâu ngành tôm. Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, an toàn, quy mô lớn, công nghệ cao dọc tuyến Đê Đông. Đồng thời, phát triển nuôi xen canh cua, sò huyết với tôm ở những khu vực thích hợp; phát huy thế mạnh thương hiệu sản phẩm Cua Cà Mau theo hướng sản xuất hàng hóa, cung ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Chuyển một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi phù hợp. Mở rộng diện tích lúa - tôm gắn với lúa hữu cơ - tôm sạch. Cơ bản ổn định diện tích chuyên lúa, kết hợp trồng lúa với bảo tồn và phát triển nguồn lợi cá đồng; nuôi dưỡng sản sinh những mầm sống thủy sinh, thủy sản, đa dạng sinh học quý hiếm mang lại nguồn lợi giá trị lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tiếp tục xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn, vùng nguyên liệu lúa tập trung, phát thải thấp, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và thị trường xuất khẩu nông sản.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, an toàn sinh học và bền vững. Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và các mô hình chăn nuôi sinh thái, hữu cơ; gắn với cơ sở giết mổ, chế biến và liên kết chuỗi giá trị. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, dịch bệnh, sử dụng thuốc thú y và bảo vệ môi trường chăn nuôi.

Đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại và hiệu quả. Phát huy hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu tại phường Hiệp Thành; xây dựng vùng nuôi tôm công nghệ cao quy mô lớn tại xã Vĩnh Hậu, xã Đông Hải và các khu vực có điều kiện thuận lợi. Xây dựng vành đai nông nghiệp sinh thái Cà

Mau, bao gồm các vùng tôm - lúa, tôm - rừng và lúa - tôm chất lượng cao. Phát triển hệ thống hợp tác xã số và ứng dụng công nghệ số vào quản trị nông nghiệp.

Phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp, trong đó tập trung công nghiệp chế biến gỗ, giá trị gia tăng cao; kết hợp hiệu quả dịch vụ du lịch sinh thái trong lâm phần; tập trung trồng rừng tại các bãi bồi, các khu kè chống sạt lở và lấn biển. Xây dựng đề án, kế hoạch từng bước di dời các hộ dân đang sinh sống riêng lẻ trong các khu vực đất rừng ra các cụm, tuyến dân cư tập trung đảm bảo ổn định đời sống lâu dài, để bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển kinh tế dưới tán rừng, triển khai cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng ở những khu vực đủ điều kiện, xây dựng vùng rừng “đa chức năng” (kinh tế - sinh thái - bảo vệ - du lịch).

Phát triển diêm nghiệp: Ổn định diện tích sản xuất muối có hiệu quả, mở rộng diện tích những nơi có điều kiện; nâng cao sản lượng và chất lượng muối; đầu tư phát triển công nghiệp chế biến muối, tăng giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ muối thương phẩm, phát huy giá trị thương hiệu Muối Bạc Liêu.

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm, diêm nghiệp theo đặc trưng các tiểu vùng sinh thái ngọt, mặn, lợ, bảo đảm phù hợp và đồng bộ với không gian phát triển phân vùng thủy lợi gồm: Bắc Cà Mau và Nam Cà Mau.

d) Kinh tế biển, đảo

Phát triển kinh tế biển, ven biển theo hướng bền vững, hiện đại và tăng trưởng xanh, xác định biển - đảo là không gian phát triển chiến lược, động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển có lợi thế: Nuôi trồng, khai thác hải sản; dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch, dịch vụ, đô thị du lịch sinh thái biển; kinh tế hàng hải, cảng biển; dầu khí; công nghiệp ven biển, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm từ biển; năng lượng tái tạo; diêm nghiệp và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành một số trung tâm nghề cá lớn; thúc đẩy nuôi trồng hải sản trên biển, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi hải sản, phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cà Mau là một trong những tỉnh phát triển mạnh về kinh tế biển, đảo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đạt các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển, đảo; các ngành nghề kinh tế biển phát triển theo hướng hiện đại, tăng trưởng xanh, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân các xã, phường ven biển được cải thiện, nâng cao; tài nguyên biển, đảo được quản lý, khai thác hợp lý, hiệu quả, bền vững.

2. Phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực

cạnh tranh, gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực quan trọng của tăng trưởng nhanh và bền vững; ưu tiên phát triển gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tập trung ưu tiên đầu tư công nghệ số, công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn và có giá trị ứng dụng cao. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp và các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng.

b) Giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng và bền vững; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức nhân loại gắn với thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị. Chú trọng phát triển con người toàn diện về phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng hội nhập, góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI), tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo. Đổi mới phương thức quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, gắn với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Tập trung xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh phân luồng, phát triển mô hình trung học nghề và tăng cường liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, đặc biệt đào tạo gắn với doanh nghiệp và công nghệ cao. Ưu tiên phát triển các nghề trọng điểm, ngành nghề mới phục vụ chuyển đổi số và kinh tế xanh; đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và mở rộng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Xây dựng hệ thống y tế đảm bảo mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, số năm sống khỏe để phát triển toàn diện gắn với thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị. Đề cao ý thức phòng bệnh, lối sống lành mạnh; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại.

Nâng cao năng lực hệ thống y tế công bằng, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phòng, khám và chữa bệnh của Nhân dân; phát triển đồng bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu và phát huy thế mạnh y học cổ truyền; chú trọng y tế và chăm sóc sức khỏe người dân ở vùng khó khăn.

Thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng, có ý thức đáp ứng yêu cầu và công tác lâu dài tại địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển y tế thông minh; mở rộng mô hình khám, chữa bệnh từ xa. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, khuyến khích phát triển y tế tư nhân có chất lượng cao, nhất là tại khu vực tập trung đông dân cư, khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao phục vụ người dân, các chuyên gia và khách du lịch, nhất là tại khu vực Đất Mũi.

d) Văn hóa, thể thao

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị; không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các khu vực, các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế trong xã hội; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và thiết chế văn hóa theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm xây dựng đồng bộ, trang bị đầy đủ, phù hợp. Tập trung hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm văn hóa, bảo tàng và thư viện

Giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh; bảo tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số, kinh tế đêm và các ngành công nghiệp liên quan.

Tập trung phát triển không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; thúc đẩy chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa - giải trí - du lịch. Chú trọng văn hóa cơ sở, phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng sâu rộng, nhất là ở khu vực nông thôn, địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phát triển thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; rà soát, quy hoạch và đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở; xác định các khu vực trọng điểm, hình thành các khu văn hóa - thể thao, sân vận động, trung tâm huấn luyện đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, bảo đảm khả năng đăng cai các sự kiện thể thao lớn.

Khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa văn hóa - thể thao, thu hút doanh nghiệp đầu tư tổ hợp văn hóa, thể thao gắn với du lịch, tổ chức lễ hội, sự kiện. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm thể dục, thể thao hiện đại, gắn với định hướng phát triển đô thị và hệ thống giao thông công cộng.

đ) Lao động, việc làm

Phát triển lao động, việc làm theo hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn chuyển dịch cơ cấu lao động với đổi mới mô hình tăng trưởng và các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; trọng tâm là đào tạo lao động có kỹ năng nghề, năng lực số và khả năng thích ứng với chuyển đổi số, khoa học - công nghệ. Xây

dụng thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, kết nối hiệu quả cung - cầu, tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội.

e) An sinh xã hội và chính sách đối với người có công

Phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng đa tầng, toàn diện, hiện đại và thích ứng linh hoạt; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng, ưu tiên đối tượng chính sách, người yếu thế, thực hiện nhất quán quan điểm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội đối với các đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bình đẳng giới. Bảo đảm đầy đủ, toàn diện chính sách về dân tộc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu trợ giúp cho các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội.

g) Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, an ninh biên giới quốc gia; chủ động ứng phó trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, nhất là tuyến ven biển; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế tỉnh, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, phục vụ phát triển bền vững, gắn với thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị.

3. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức hợp lý không gian nhằm phát huy tối đa các lợi thế trên địa bàn cho phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình 1-2-3-4-5: “1 trục động lực - 2 trung tâm - 3 cực tăng trưởng - 4 vùng - 5 hành lang”, bảo đảm lan tỏa và cân bằng phát triển:

a) 01 Trục động lực phát triển

Trục động lực chạy dọc theo tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau - Đất Mũi, kết nối trực tiếp với cụm cảng Hòn Khoai; hướng đến hình thành một dải phát triển tích hợp, có chiều rộng hai bên, bố trí quỹ đất cho logistics, cảng cạn (ICD), kho lạnh, khu công nghiệp chế biến - năng lượng, cùng các khu đô thị dịch vụ; trục động lực trở thành một hệ sinh thái phát triển đa chức năng, giữ vai trò xương sống dẫn dắt tăng trưởng toàn tỉnh.

b) 02 Trung tâm

- Đô thị Cà Mau là đô thị hiện đại, văn minh, xứng tầm là Trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại - dịch vụ và trung tâm y tế của tỉnh; là hạt

nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng trung tâm.

- Đô thị Bạc Liêu là trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và thương mại, dịch vụ - du lịch, nghỉ dưỡng; là hạt nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng Đông Bắc.

c) 03 cực tăng trưởng

Hình thành 03 cực tăng trưởng mới của tỉnh, gồm: Năm Căn (khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn), cụm đảo Hòn Khoai (Cảng tổng hợp lương thực Hòn Khoai), đô thị Phước Long.

Cực Năm Căn được xác định là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch sinh thái và các trung tâm tiếp vận (logistics) của tỉnh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long với trọng tâm là ngành thủy sản công nghệ cao; là động lực phát triển của tiểu vùng ven biển phía Nam của tỉnh; tạo tiền đề hình thành, phát triển đô thị Năm Căn; là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn, kết nối với Khu du lịch Mũi Cà Mau; là trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; là khu kinh tế biển, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

Cực Hòn Khoai được xác định là cửa ngõ cảng biển, gắn với cảng tổng hợp lương thực - trung tâm logistics - năng lượng tái tạo - du lịch biển đảo - dịch vụ hậu cần nghề cá, kết nối chặt chẽ với 2 đảo còn lại của tỉnh (Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc) và chuỗi khu công nghiệp - khu dịch vụ của tỉnh Cà Mau; gắn kết với đô thị Đất Mũi phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch; là trung tâm hậu cần - dịch vụ - logistics của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và là tuyến phòng thủ chủ lực cực Nam của Tổ quốc.

Cực Phước Long với trung tâm là đô thị Phước Long và các đô thị vệ tinh xung quanh (Ninh Quới, Hồng Dân, Vĩnh Phước) hình thành khu vực phát triển mạnh các ngành công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản,... gắn với vùng nguyên liệu phía Bắc của tỉnh.

d) 04 tiểu vùng kinh tế - xã hội

- Tiểu vùng 1 - Tiểu vùng trung tâm: Phát triển mạnh về đô thị - công nghiệp - thương mại, dịch vụ, với hạt nhân là đô thị Cà Mau; ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, các dịch vụ chất lượng cao, du lịch, dịch vụ du lịch, kinh tế số và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tiểu vùng 2 - Tiểu vùng Đông Bắc: Phát triển kinh tế đa dạng về dịch vụ đô thị, thương mại, dịch vụ du lịch, du lịch - nghỉ dưỡng, công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thủy hải sản, nghề muối, năng lượng tái tạo, với hạt nhân là đô thị Bạc Liêu; tiểu vùng còn có cực tăng trưởng đô thị Phước Long và các đô thị: Giá Rai, Láng Tròn, Gành Hào, Phong Thạnh; có ưu thế, tiềm năng kết nối thuận lợi với tuyến đường bộ ven biển phía Đông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thu hút đầu tư

các khu, cụm công nghiệp tổng hợp, chuyên đề phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tiểu vùng. Phát triển chuỗi nông sản, thủy hải sản chất lượng cao gắn chế biến - logistics lạnh - xuất khẩu.

- Tiểu vùng 3 - Tiểu vùng phía Nam: Phát triển mạnh về kinh tế biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, đóng tàu, năng lượng tái tạo, năng lượng mới, logistics quốc tế, dịch vụ cảng biển, kinh tế hàng hải, dịch vụ đô thị, du lịch,... với các cực tăng trưởng quan trọng như: Hòn Khoai (Cảng tổng hợp lương thực Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi); Khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn.

- Tiểu Vùng 4 - Tiểu vùng phía Tây: Phát triển kinh tế biển, phát triển đa dạng các ngành nông nghiệp, thủy hải sản, với hạt nhân là đô thị Sông Đốc; là vùng nông nghiệp ngọt lơ luân phiên, nuôi biển, thủy hải sản, cảng cá - hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái - trải nghiệm rừng/biển/văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, lâm nghiệp phát triển theo mô hình bền vững gắn với bảo tồn Vườn quốc gia U Minh Hạ, phát triển năng lượng tái tạo.

d) 05 Hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế ven biển Tây: Ưu tiên kinh tế biển gắn khai thác - hậu cần nghề cá, dịch vụ cảng cá; nông nghiệp ngọt - lơ, lâm nghiệp bền vững và du lịch sinh thái trên nền tảng bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn.

- Hành lang kinh tế ven biển Đông: Tập trung du lịch biển, đảo, kinh tế thủy hải sản (nuôi trồng công nghệ cao, chế biến sâu), logistics và năng lượng tái tạo.

- Hành lang kinh tế kết nối 02 đô thị Cà Mau và Bạc Liêu, được mở rộng ra 2 phía của trục Quốc lộ 1 (phía Bắc đến đường cao tốc mới, phía Nam đến đường tỉnh mới), dựa trên 03 tuyến kết nối đường bộ và 01 tuyến vận tải thủy quốc gia Bạc Liêu - Cà Mau; hình thành không gian kinh tế sôi động, phát triển mạnh về đô thị, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đô thị hóa, thương mại dịch vụ và đổi mới sáng tạo.

- Hành lang kinh tế chạy dọc theo trục thủy, bộ Quán lộ - Phụng Hiệp - Quốc lộ 1 (đoạn Cà Mau - Năm Căn) - đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn - Đất Mũi), kết nối các đô thị Phước Long, Cà Mau, Năm Căn, điểm cuối là đảo Hòn Khoai hình thành, phát triển công nghiệp và logistics.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối đô thị Sông Đốc ở phía Tây và đô thị Tân Thuận, Gành Hào ở phía Đông. Đây là hành lang kết nối nội tỉnh, giữa các tiểu vùng kinh tế - xã hội của tỉnh, hành lang giao thương kinh tế rất quan trọng, thúc đẩy, lan tỏa các hoạt động giao lưu, giao thương, sản xuất, kinh doanh; bảo đảm cân bằng tiếp cận dịch vụ công và thị trường.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực đô thị

Xây dựng hệ thống đô thị tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững - hiện đại - thông minh, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu; hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị và đơn vị hành chính theo quy định của Trung ương, làm

nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Hình thành và củng cố các trung tâm đô thị động lực. Đô thị Cà Mau được xác định là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại - dịch vụ và trung tâm y tế của tỉnh, đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng; đô thị Bạc Liêu là trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và thương mại, dịch vụ - du lịch, nghỉ dưỡng, mang bản sắc đa văn hóa của vùng Nam Bộ; đô thị Năm Căn, Đất Mũi là đô thị biển đa chức năng, hỗ trợ hậu cần trực tiếp cho Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai.

Tập trung phát triển nhanh đô thị tại các xã, phường trọng điểm như: Phước Long, Gành Hào, Sông Đốc, Năm Căn, Đất Mũi và các khu vực có tiềm năng trở thành đô thị mới, nhằm mở rộng không gian phát triển và phân bố hợp lý dân cư, hạ tầng và dịch vụ đô thị.

Định hướng phát triển đa dạng các loại hình đô thị: đô thị sân bay Cà Mau, đô thị vệ tinh gắn với công nghiệp, đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ hậu cần nghề cá, đô thị sinh thái - hiện đại, đô thị mở rộng không gian đô thị trung tâm, đô thị theo mô hình TOD dọc các tuyến cao tốc; gắn phát triển đô thị với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, tạo việc làm và nâng cao chất lượng sống người dân.

Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, khi bảo đảm điều kiện, tiêu chí theo quy định. Đến năm 2030 tỉnh có 35 đô thị; trong đó: 02 cụm đô thị loại II (Cà Mau, Bạc Liêu), 01 cụm đô thị loại III (Giá Rai) và 32 đô thị loại III.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu, dựa trên lợi thế sinh thái và liên kết vùng, lấy thủy sản, rừng và kinh tế biển làm trụ cột. Chuyển mạnh từ phát triển theo sản lượng sang phát triển theo chất lượng, giá trị gia tăng và chuỗi giá trị, gắn với kinh tế tập thể, thị trường và ứng dụng khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, phục vụ đời sống và sản xuất của cư dân nông thôn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, NHỮNG KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

Phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp của tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, hội nhập, gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu. Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xác định là động lực quan trọng

thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong mạng lưới sản xuất - logistics quốc gia và quốc tế.

Tập trung phát triển Khu kinh tế Năm Căn theo mô hình khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, hình thành trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - logistics hướng biển, gắn với hệ thống cảng Năm Căn - Hòn Khoai.

Phát triển các khu công nghiệp có chọn lọc, theo hướng chuyên ngành hoặc đa ngành; ưu tiên công nghiệp sạch, công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao; hướng tới hình thành phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại những khu vực có điều kiện phù hợp. Trong quá trình thực hiện, xem xét điều chỉnh quy mô, vị trí các khu, cụm công nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế và định hướng phát triển chung của tỉnh.

Phát triển các cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế so sánh và định hướng phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của tỉnh. Phát triển các cụm công nghiệp quy mô lớn kết nối thuận lợi với các tuyến cao tốc, các nút giao, các đầu mối giao thông quan trọng, dọc các tuyến ven biển, phù hợp với định hướng phát triển năng lượng tái tạo, chế biến sâu và logistics; hình thành các cụm công nghiệp xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo gắn với các vùng nguyên liệu lúa của tỉnh. Cụm công nghiệp được xác định là không gian sản xuất công nghiệp quan trọng ở địa phương, có vai trò hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu và lan tỏa động lực phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực nông thôn, ven biển.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại cho khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, bảo đảm kết nối giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, logistics và hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

2. Khu du lịch

Phát triển hệ thống khu du lịch theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia; phát huy lợi thế tổng hợp biển - rừng - văn hóa - tâm linh, gắn với bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Hình thành các khu du lịch động lực cấp quốc gia và cấp tỉnh, đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt phát triển du lịch toàn tỉnh và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tập trung phát triển du lịch sinh thái, văn hóa - tâm linh, trải nghiệm và du lịch cộng đồng gắn với bản sắc địa phương, du lịch kết hợp với chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng.

Ưu tiên phát triển Khu du lịch Mũi Cà Mau và Khu du lịch Nhà Mát - Bạc Liêu trở thành khu du lịch quốc gia; trong đó, Khu du lịch Mũi Cà Mau là trung tâm du lịch sinh thái biển - rừng ngập mặn đặc sắc gắn với biểu tượng cực Nam Tổ quốc; Khu du lịch Nhà Mát - Bạc Liêu là tổ hợp du lịch văn hóa - tâm linh - giải trí biển hiện đại, liên kết di sản văn hóa và năng lượng sạch.

Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm khác như: Đầm Thị Tường, Vườn quốc gia U Minh Hạ và các khu vực có tiềm năng; kiểm soát chặt chẽ quy mô, mật độ đầu tư, bảo đảm hài hòa giữa khai thác du lịch với bảo tồn hệ sinh thái, cảnh quan và đa dạng sinh học.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

3. Khu cụm đảo Hòn Khoai

Khắc định Hòn Khoai là trọng điểm chiến lược quốc gia, vừa là “điểm tựa” tiên tiêu bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam, vừa là cực tăng trưởng kinh tế biển mới, mọi định hướng phải quán triệt yêu cầu gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh.

Tổ chức thực hiện theo cơ chế “đầu tư công tạo nền - kéo theo PPP và vốn doanh nghiệp”; đồng thời, đề xuất khung thí điểm/cơ chế đặc thù áp dụng trực tiếp cho các dự án trọng điểm để bảo đảm tính khả thi và tiến độ.

Đến năm 2030, ưu tiên hạ tầng chiến lược: Cảng tổng hợp lưỡng dụng, trung tâm logistics, gần tuyến trung chuyển - dịch vụ hàng hải, du lịch quốc tế, hậu cần nghề cá. Đồng thời, củng cố năng lực kiểm soát biển - an toàn hàng hải - tìm kiếm cứu nạn thông qua bố trí hạ tầng phù hợp, bảo đảm thể trận quốc phòng, an ninh bền vững trên biển.

4. Khu kinh tế tự do

Khu kinh tế tự do Cà Mau được định vị là cực tăng trưởng kinh tế biển mới của vùng Tây Nam Bộ, dựa trên tổ hợp: Cảng nước sâu - trung chuyển - logistics - công nghiệp chế biến - năng lượng sạch, gắn chặt yêu cầu quốc phòng, an ninh và bảo tồn sinh thái.

Việc phát triển khu kinh tế tự do cần được thực hiện theo lộ trình nhiều giai đoạn, dựa trên năng lực quản trị thực tế và mức độ sẵn sàng.

5. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo hướng ổn định quy mô, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng gồm: Vùng chuyên canh lúa, vùng nuôi tôm công nghệ cao, vùng nuôi tôm sinh thái, vùng lúa - tôm kết hợp tạo ra các sản phẩm chất lượng cao; từng bước hình thành các vùng chăn nuôi tập trung gắn với cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Khu vực rừng U Minh Hạ và rừng ngập mặn ven biển được định hướng phát triển lâm nghiệp bền vững; trong đó, U Minh Hạ tập trung trồng rừng gắn với chế biến lâm sản; khu vực rừng ngập mặn ven biển kết hợp trồng rừng với xây dựng kè giảm sóng, gây bồi tạo bãi để mở rộng diện tích rừng. Qua đó, từng

bước nâng cao chất lượng rừng, tăng tỷ lệ che phủ rừng, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, chợ, trường học, y tế) những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản và kết nối với các vùng kinh tế phát triển. Đồng thời, bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết; thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn đặc biệt khó khăn.

Tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; huy động đa dạng nguồn lực, trong đó có vốn hỗ trợ quốc tế, tập trung vào hạ tầng và tạo sinh kế bền vững. Đẩy mạnh khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ phù hợp điều kiện từng địa bàn; phát triển các trung tâm cụm xã làm đầu mối hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm.

Bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; hỗ trợ vay vốn, phổ cập kiến thức và kỹ năng tài chính nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Chú trọng đầu tư giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; đồng thời bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Định kỳ rà soát, đánh giá và kịp thời điều chỉnh phương án phát triển phù hợp với chính sách mới của Trung ương và điều kiện thực tế từng khu vực.

7. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực

Các khu vực có vai trò động lực được xác định là các đô thị, các trung tâm cụm xã, các xã được quy hoạch hình thành đô thị loại III, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực tập trung đông các cơ sở sản xuất tại các xã. Khu vực động lực là những khu vực thuận tiện về giao thông, mật độ dân cư cao có tiềm năng hình thành đô thị trong tương lai. Định hướng chính để phát triển các khu vực động lực: Mở rộng các tuyến tỉnh lộ từ khu vực động lực đến địa bàn các xã lân cận; đầu tư cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông, công trình giáo dục, y tế, tạo quỹ đất thương mại) trong nội bộ khu vực động lực, quy hoạch khu dân cư, khu thương mại dịch vụ theo mô hình khu dân cư đô thị tại các khu vực động lực, từng bước đưa các khu vực động lực trở thành các đô thị; hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp, ngân hàng và các bên cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ ngư, nông, lâm, diêm nghiệp, các loại hình dịch vụ đô thị hoạt động tại khu vực động lực, đưa các khu vực động lực thành trung tâm tiểu vùng ở mỗi xã.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và thích ứng biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, ưu tiên hoàn thiện các trục giao thông đối ngoại, cao

tốc, cảng biển, cảng hàng không và hệ thống đường thủy nội địa, gắn với nâng cao năng lực logistics. Đến năm 2050, cơ bản hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng giao thông theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát huy lợi thế hàng hải và vận tải thủy, nâng cao hiệu quả khai thác và quản lý. Nghiên cứu phát triển mới cảng hàng không quốc tế tại khu vực phía Nam tỉnh bên phải tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, làm đầu mối giao thông tại địa đầu cực Nam gần Khu kinh tế Năm Căn - Cảng tổng hợp lương dụng Hòn Khoai - đô thị Đất Mũi.

a) Về đường bộ

Tập trung hoàn thiện các trục đối ngoại chiến lược, trọng tâm là đầu tư, khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Cà Mau - Đất Mũi, kết nối cầu vượt biển ra Hòn Khoai và khu Cảng tổng hợp lương dụng Hòn Khoai; tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

Đầu tư đường tốc độ cao kết nối hai trung tâm tỉnh tạo không gian phát triển đô thị, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ... (định hướng bổ sung vào tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33) - Bạc Liêu - Cà Mau).

Phát triển đồng bộ hệ thống đường bộ của tỉnh, trong đó tận dụng mọi nguồn lực đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đường tỉnh kết nối hai đô thị Cà Mau và Bạc Liêu để hình thành "hành lang logistics" phục vụ kinh tế biển, năng lượng và nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức kết nối đồng bộ đường bộ - cảng biển - logistics/cảng cạn - sân bay; trong đó, có đề xuất mở mới các bến bãi đường bộ và các tuyến kết nối phục vụ chuỗi logistics.

b) Đường sắt

Theo quy hoạch đường sắt quốc gia, định hướng tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; trong đó, tuyến Cần Thơ - Cà Mau có chiều dài khoảng 145 km; nghiên cứu kéo dài kết nối để khai thác hiệu quả cảng Hòn Khoai, hình thành vận tải đa phương thức.

c) Đường thủy nội địa

Phát triển giao thông đường thủy hiện đại, tăng vai trò cảng thủy nội địa trong mạng lưới logistics và phát triển tuyến thủy ra các đảo.

Quy hoạch mạng lưới đường thủy đủ yêu cầu cấp kỹ thuật đường thủy nội địa gồm các tuyến trục và các luồng tuyến nhánh, tăng kết nối liên thông sông - kênh toàn tỉnh.

Đề xuất hành lang vận tải chính như: Năm Căn - Bò Đề (đoạn luồng hàng hải Năm Căn - Bò Đề) và các tuyến vận tải khác để tăng năng lực vận chuyển bằng đường thủy.

d) Cảng biển, cảng cạn

Phát triển hệ thống cảng biển loại III của tỉnh (Năm Căn, Ông Đốc, Hòn Khoai,...), gắn các tuyến cao tốc/đường ven biển để nâng cao năng lực logistics vùng.

Trọng tâm đầu tư hoàn chỉnh cảng Hòn Khoai - cảng tổng hợp lưỡng dụng đón tàu đến 250.000 DWT, công suất khoảng 20 triệu tấn/năm.

Bố trí bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão tại Năm Căn, Hòn Khoai, Ông Đốc, Gành Hào, Vĩnh Hậu.

Phát triển trung tâm logistics và cảng cạn (ICD) tại Đất Mũi và tổ chức kết nối đường bộ chuyên dụng để khai thác hiệu quả chuỗi dịch vụ vận tải.

d) Cảng hàng không, sân bay

Nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau đạt cấp 4C (ICAO), sân bay quân sự cấp II; công suất 1,0 triệu hành khách/năm đến năm 2030.

Tổ chức kết nối sân bay: Nâng cấp Quốc lộ 1 và đường vành đai của trung tâm Cà Mau để bảo đảm tiếp cận thuận tiện.

(Chi tiết tại Phụ lục V, VI, VII, VIII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng theo Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

a) Nguồn điện

Phát triển nguồn điện tại các khu vực có tiềm năng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, hướng tới xuất khẩu điện theo chủ trương của Chính phủ.

Phát triển điện khí, khai thác hiệu quả hệ thống khí - điện hiện hữu trên địa bàn tỉnh và tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kho cảng, đường ống dẫn khí đủ khả năng nhập khẩu khí LNG; tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối theo tiềm năng và lợi thế của tỉnh; đồng thời, phát triển các nhà máy pin lưu trữ tại các khu vực tập trung nguồn điện năng lượng tái tạo nhằm tối ưu hóa nguồn cấp cho hệ thống điện.

Khuyến khích phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo không nối lưới để cung cấp trực tiếp sản xuất năng lượng mới.

Nghiên cứu, định hướng khai thác điện mặt trời nổi kết hợp du lịch, điện hạt nhân quy mô nhỏ nhằm đa dạng hóa nguồn cấp điện; phát triển các trung tâm năng lượng đa năng, các nhà máy lọc hóa dầu phù hợp, đồng bộ với các phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật khác trong quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Lưới điện

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm, tuyến đường dây, công trình điện 500kV, 220kV, 110kV đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng công suất cho các dự án năng

lượng tái tạo và sinh hoạt.

Đánh giá trào lưu công suất lưới điện làm cơ sở điều chỉnh đầu nối các dự án nguồn điện và đầu nối các dự án nguồn điện mới theo quy hoạch điện lực quốc gia phân bổ; điều chỉnh, bổ sung các trạm biến áp, đường dây liên kết với hệ thống điện của 2 tỉnh sau hợp nhất, liên kết khu vực. Điều chỉnh tên, quy mô, hướng tuyến, đầu nối và tiến độ các công trình lưới điện truyền tải và phân phối nhằm đồng bộ bảo đảm giải tỏa công suất các nguồn điện mới.

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế, bảo đảm cấp điện đầy đủ cho các khu dân cư và các khu sản xuất tập trung.

Thực hiện các chương trình cấp điện nông thôn, cấp điện cho các hộ dân chưa có điện và cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn hiện có.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi

Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng chủ động kiểm soát nguồn nước mặn - ngọt - lợ, thích ứng biến đổi khí hậu, phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững. Ưu tiên đầu tư các công trình phân ranh mặn - ngọt, tăng cường cấp nước ngọt từ sông Hậu, chuyển nước ngọt từ sông Hậu về Cà Mau phục vụ sinh hoạt người dân theo hướng mở (dọc theo hướng tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau); bảo đảm cấp nước mặn cho nuôi trồng thủy sản, từng bước hình thành hệ thống cấp - thoát nước tách rời; hoàn thiện các hệ thống thủy lợi quy mô vừa, nâng cao khả năng trữ nước, kiểm soát ngập úng, kết hợp củng cố đê biển và tiến tới hình thành các cụm công trình thủy lợi quy mô vùng.

Phân vùng thủy lợi được tổ chức theo điều kiện tự nhiên, đặc điểm sinh thái và định hướng sản xuất, gồm vùng Bắc Cà Mau và vùng Nam Cà Mau. Vùng Bắc Cà Mau gồm các tiểu vùng sinh thái ngọt và lợ, phát triển lúa, tôm - lúa, tôm quảng canh và bảo tồn rừng tràm U Minh Hạ; hệ thống thủy lợi thực hiện kiểm soát mặn - ngọt linh hoạt, tăng cường cấp nước ngọt. Vùng Nam Cà Mau là vùng sinh thái mặn chủ đạo, phát triển nuôi trồng thủy sản, tôm - rừng và lâm nghiệp ven biển; hệ thống thủy lợi bảo đảm cấp, thoát nước mặn, điều tiết linh hoạt sang sinh thái lợ tại khu vực phù hợp, gắn phát triển sản xuất với phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

Ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình đầu mối khai thác nước ngọt, công trình kênh tiêu, công trình đầu mối tiêu (kênh, cống, trạm bơm), công trình chống ngập; nâng cấp trạm bơm tiêu úng vùng ảnh hưởng triều cường và nạo vét kênh trục chính tăng năng lực trữ nước và dẫn nước; đồng thời duy trì quỹ mặt nước, hồ điều hòa tại đô thị và khu công nghiệp để trữ nước, giảm áp lực thoát nước. Tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu và thủy lợi lớn phục vụ trữ nước, phòng chống xâm nhập mặn, cấp nước - tiêu thoát.

Nghiên cứu đầu tư xây dựng các hồ nước ngọt và nhà máy xử lý nước để cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho Nhân dân. Trong đó, quan tâm đầu tư xây dựng các hồ nước ngọt tại khu vực các xã phía Bắc của tỉnh (nơi có

nguồn nước ngọt từ sông Hậu) và đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước để cung cấp nước sinh hoạt cho các đô thị trung tâm như: Đô thị Cà Mau, đô thị Bạc Liêu và các khu vực lân cận; từng bước hạn chế và tiến tới dừng khai thác nước ngầm, góp phần chống sụt lún ở các đô thị và bảo đảm an ninh nguồn nước.

Hoàn thiện hệ thống thủy lợi theo phân vùng sinh thái Bắc và Nam Cà Mau, phát triển hệ thống cấp - thoát nước phù hợp từng vùng sản xuất, gắn với củng cố đê biển, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn dân cư.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

4. Phương án phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải

Phát triển hạ tầng cấp - thoát nước đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp và bảo vệ môi trường. Ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước quy mô vùng và liên vùng, gồm trạm bơm nước vùng Tây Nam sông Hậu, hệ thống truyền tải, hồ trữ nước ngọt và các nhà máy xử lý nước sạch; từng bước hình thành mạng lưới cấp nước đồng bộ, liên thông, bảo đảm an ninh nguồn nước cho đô thị, nông thôn và các khu vực đặc thù. Tính toán phương án cấp nước cho Khu kinh tế Năm Căn, Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi,...

Phát triển hệ thống cấp nước nông thôn theo hướng tập trung, an toàn và linh hoạt, ưu tiên nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung quy mô lớn và vừa; kết hợp giải pháp cấp nước phân tán, trữ nước mưa và xử lý nước mặn cho vùng khan hiếm nước, bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt và nâng cao điều kiện sống người dân.

Đầu tư phát triển hệ thống thoát nước, chống ngập tại các đô thị, điểm bố trí dân cư tập trung; hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải. Xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, ưu tiên các khu vực phát sinh lượng nước thải lớn như: Đô thị Cà Mau, đô thị Bạc Liêu.

(Chi tiết tại Phụ lục XII, XIII kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

Thực hiện hiệu quả việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi. Thu gom, vận chuyển, xử lý triệt để chất thải nguy hại. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Đầu tư xây dựng các nhà máy, cơ sở xử lý chất thải rắn bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thu hồi năng lượng, thu hồi vật liệu từ chất thải, tái chế chất thải theo định hướng kinh tế tuần hoàn; ưu tiên phát triển trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tận dụng nguồn chất thải làm nguyên liệu sản xuất; khuyến khích phát triển các cơ sở đồng xử lý chất thải. Từng bước đóng cửa, cải

tạo các bãi rác nhỏ thành bãi rác hợp vệ sinh, trạm trung chuyển, điểm tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp với lộ trình xây dựng các nhà máy xử lý rác thải hiện đại. Đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung; đồng thời, hình thành khu xử lý, tái chế chất thải rắn công nghiệp cấp vùng.

Phát triển hệ thống nghĩa trang theo mô hình tập trung, từng bước giảm dần và tiến tới chấm dứt hình thức nghĩa địa nhỏ lẻ, manh mún trong khu dân cư, bảo đảm phù hợp định hướng phát triển đô thị và nông thôn bền vững. Ưu tiên các hình thức mai táng văn minh, thân thiện môi trường, trong đó hỏa táng giữ vai trò chủ đạo, giảm dần địa táng truyền thống. Tận dụng hiệu quả cơ sở hỏa táng hiện có, đồng thời xem xét đầu tư bổ sung các cơ sở hỏa táng khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu trên địa bàn đô thị Cà Mau và đô thị Bạc Liêu.

Phát triển nghĩa trang theo hướng công viên - cảnh quan, văn minh, hài hòa với yếu tố tôn giáo - tín ngưỡng, đảm bảo phù hợp đặc điểm văn hóa địa phương. Gắn công tác quản lý nghĩa trang với chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung để quản lý thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên đầu tư, mở rộng mạng lưới cáp quang, hạ tầng di động 5G và xây dựng Trung tâm dữ liệu (Data Center) cấp tỉnh đạt chuẩn, phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thu hút mời gọi đầu tư trung tâm dữ liệu lớn để giải tỏa công suất nguồn điện tại chỗ, phát huy lợi thế rất lớn của tỉnh.

Ưu tiên phát triển mạng bưu chính, gồm: Mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1). Mạng bưu chính công cộng, gồm: Mạng bưu chính tỉnh bảo đảm bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tối đa 3 km/điểm phục vụ; 100% số xã có điểm phục vụ có người phục vụ.

Phát triển mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, quốc phòng, an ninh. Duy trì hoạt động và phát triển hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện lộ trình dùng các công nghệ di động cũ, tập trung triển khai các công nghệ di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng ít nhất 99% dân số. Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông di động 5G trên cơ sở tận dụng mạng viễn thông di động 4G, tăng cường chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông di động, tiến tới nghiên cứu công nghệ 6G.

Đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, tiếp tục nâng cấp dung lượng tuyến truyền dẫn viễn thông dùng riêng, kết nối từ mạng viễn thông dùng riêng của tỉnh tới thiết bị định tuyến của Bưu điện Trung ương. Xây dựng các phương án nâng cấp, bảo vệ các công trình phục vụ quốc phòng - an ninh, các công trình truyền dẫn viễn thông quốc tế.

Phát triển hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin tổng thể, thống nhất và liên thông từ tỉnh đến xã, được quy hoạch theo hướng tập trung, an toàn và bền vững, với các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn có đầy đủ năng lực bảo vệ an ninh mạng, an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu quốc gia. Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, xăng dầu, khí đốt

Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại của tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ, phân bố hợp lý theo không gian phát triển kinh tế, gắn với đô thị hóa, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu dùng và chuyển đổi số. Ưu tiên nâng cấp các chợ hoạt động có hiệu quả, phát triển chợ chuyên doanh nông sản, thủy sản tại vùng sản xuất tập trung. Nghiên cứu xây dựng và hiện đại hóa 1 - 2 chợ đầu mối (Năm Căn, Sông Đốc) đóng vai trò gom, phân phối và trung chuyển hàng hóa.

Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện có, đồng thời thu hút đầu tư phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô phù hợp tại các đô thị, khu vực đông dân cư, góp phần hình thành mạng lưới phân phối hiện đại. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ thương mại mới gắn với thương mại điện tử, tiêu dùng xanh và kinh tế số; nghiên cứu, từng bước phát triển kinh tế ban đêm tại các đô thị trung tâm, khu vực có mật độ dân cư cao, góp phần mở rộng không gian tiêu dùng, thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ và nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ mũi nhọn, hình thành mạng lưới trung tâm dịch vụ logistics cấp tỉnh và vùng gắn với cảng biển, sân bay, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các trục giao thông chiến lược và đảo Hòn Khoai; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển logistics lạnh, logistics thương mại điện tử, kho ngoại quan góp phần giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa của địa phương.

Phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại và cửa hàng tiện lợi theo hướng đa dạng, thông minh, kết nối hiệu quả với chuỗi cung ứng vùng và quốc gia; ưu tiên phát triển các điểm trung bày, tiêu thụ sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương gắn với các điểm, khu du lịch và các tuyến giao thông trọng điểm.

Chú trọng phát triển hệ thống dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt ổn định, an toàn, bền vững, gắn với lộ trình chuyển dịch năng lượng và tăng trưởng xanh. Duy trì, nâng cấp và mở rộng các kho xăng dầu hiện có; thu hút đầu tư xây dựng các kho quy mô lớn tại các khu vực thuận lợi về giao thông; phát triển mới cửa hàng bán lẻ theo hướng tích hợp đa dịch vụ. Khuyến khích đầu tư phát triển các trạm cấp khí hóa lỏng phục vụ cho khu kinh tế, khu công nghiệp và từng

bước giảm phụ thuộc vào nhiên liệu truyền thống, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước, đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu dùng và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối thống nhất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thông tin, cấp nước, đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe Nhân dân, tài sản của Nhà nước và xã hội; bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh - trật tự, an toàn xã hội. Thiết lập Trung tâm chỉ huy điều hành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, gắn kết “Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, báo cháy, truyền tin sự cố” thống nhất toàn vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phát triển mạng lưới các tổ chức khoa học - công nghệ công lập theo hướng hiện đại, đa ngành, tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Mạng lưới các tổ chức khoa học - công nghệ tiếp tục được củng cố và sắp xếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định, bảo đảm tính liên thông giữa nghiên cứu - ứng dụng - phát triển công nghệ và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục duy trì, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật của 05 tổ chức khoa học công nghệ do tỉnh quản lý, gồm: (1) Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ; (2) Trung tâm Chuyển đổi số; (3) Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo; (4) Trung tâm Khuyến nông; (5) Trường Đại học Bạc Liêu.

Bổ sung xây dựng mới các hạ tầng khoa học và công nghệ, cụ thể: Khu công nghệ cao tỉnh Cà Mau, từng bước phát triển thành khu công nghệ cao cấp vùng; khu nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo và ươm tạo công nghệ; khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước ngọt; khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước lợ và nước mặn; trung tâm chiếu xạ đa năng tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu hình thành Trung tâm đào tạo khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đơn vị chuyên môn trực thuộc Trường Đại học Bạc Liêu, giữ vai trò hạt nhân kết nối giữa đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao công nghệ góp phần trực tiếp nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh và vùng.

Ưu tiên phát triển hạ tầng số phục vụ các ngành, lĩnh vực có lợi thế đặc thù của tỉnh như: Thủy sản, kinh tế biển, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường. Tập trung đầu tư các nền tảng dữ liệu chuyên

ngành, hệ thống giám sát, phân tích và cảnh báo sớm dựa trên công nghệ số (IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo) phục vụ quản lý vùng nuôi trồng thủy sản, giám sát môi trường biển - ven biển, quản lý khai thác tài nguyên, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tăng cường liên kết với các trung tâm đổi mới sáng tạo lớn trong khu vực; liên kết, kết nối hạ tầng đổi mới sáng tạo của tỉnh với mạng lưới đổi mới sáng tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo theo hướng ổn định mạng lưới, nâng cao chất lượng và mở rộng có trọng tâm. Giữ vững vai trò nền tảng của hệ thống giáo dục công lập, đồng thời phát triển giáo dục chuyên biệt và giáo dục nghề nghiệp bậc cao để đáp ứng nhu cầu đặc thù và đào tạo nhân lực kỹ thuật. Giáo dục cao đẳng, đại học phát triển theo hướng hiện đại, tự chủ, gắn với các ngành kinh tế chủ lực và nhu cầu thị trường lao động. Quy hoạch hạ tầng giáo dục và đào tạo gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, liên thông và bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển hạ tầng y tế theo hướng đồng bộ, hiện đại và phân tầng hợp lý. Ưu tiên hoàn thiện, nâng cấp hệ thống y tế tuyến tỉnh với vai trò trung tâm điều trị chuyên sâu, đồng thời xây dựng và mở rộng các bệnh viện, cơ sở y tế nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư ngoài công lập vào các bệnh viện kỹ thuật cao, chuyên sâu, phục hồi chức năng và chăm sóc người cao tuổi. Quy hoạch hạ tầng y tế gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, hợp nhất cơ sở y tế, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc sức khỏe, góp phần bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

4. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Phát triển hạ tầng văn hóa theo hướng hiện đại, có bản sắc và gắn với không gian phát triển sau hợp nhất. Tổ chức hệ thống thiết chế văn hóa theo 03 cụm trọng điểm: Trung tâm văn hóa - nghệ thuật cấp vùng tại phường Bạc Liêu; trung tâm văn hóa - nghệ thuật tỉnh tại phường An Xuyên và phường Tân Thành; trung tâm văn hóa - nghệ thuật Mũi Cà Mau. Trọng tâm là bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch sáng tạo và không gian văn hóa cộng đồng.

Phát triển hạ tầng thể dục, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu rèn luyện, thi đấu và tổ chức sự kiện quy mô tỉnh và khu vực. Ưu tiên đầu tư các khu liên hợp thể dục thể thao, nhà thi đấu đa năng, trung tâm huấn luyện và các công trình thể thao đặc thù như thể thao dưới nước. Khuyến khích

xã hội hóa đầu tư, nâng cao thể chất, đời sống tinh thần và chất lượng nguồn nhân lực.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công theo hướng lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm an sinh xã hội bao phủ toàn dân. Tổ chức hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công theo mô hình đa chức năng, chuyên nghiệp, gắn với chuyển đổi số và liên thông dịch vụ chăm sóc, phục hồi chức năng và công tác xã hội. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư trong cung ứng dịch vụ điều dưỡng và chăm sóc dài hạn.

Xây dựng các Trung tâm dưỡng lão tại một số khu vực, vị trí có đủ điều kiện về quỹ đất, hạ tầng xã hội khác, dự kiến bố trí ở các xã, phường như: Hiệp Thành, Giá Rai, An Xuyên, Tân Thành, Lý Văn Lâm, Phước Long, Năm Căn,...

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

VIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

Điều chỉnh vị trí, diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và mở rộng khu kinh tế phù hợp với những lợi thế và cơ hội phát triển đột phá của tỉnh; các khu lấn biển tạo đột phá trong phát triển kinh tế biển gắn với Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai.

Nghiên cứu bổ sung các khu lấn biển tại các xã, phường như: Đất Mũi, Phan Ngọc Hiển, Gành Hào, Sông Đốc, Đá Bạc, Cái Đôi Vàm, phường Hiệp Thành và khu vực các cửa biển có nhu cầu, để ổn định lâu dài tuyến bờ biển, giảm thiểu sạt lở, gây bồi, tạo bãi, phục hồi và mở rộng diện tích rừng phòng hộ; tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế biển (logistics, dịch vụ hậu cần nghề cá, công nghiệp chế biến, đô thị ven biển).

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN

1. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra

a) Phân vùng chức năng nguồn nước mặt

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) nhu cầu nước cho thủy sản; (6) nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

Phục hồi các nguồn nước, cảnh quan môi trường các dòng sông bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng. Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, cải thiện chất lượng các nguồn nước; phân đấu khoảng 80% nguồn nước đạt quy chuẩn chất lượng phù hợp với chức năng sử dụng. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, nhất là từ khu, cụm công nghiệp và khu dân cư tập trung, với tỷ lệ kiểm soát đạt 90% - 100%. Bảo đảm 100% hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải thuộc diện phải cấp phép được quản lý theo quy định; đồng thời, bảo vệ các nguồn sinh thủy, nguồn nước có giá trị sinh thái, văn hóa, du lịch và đa dạng sinh học.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Tăng cường điều tra cơ bản, quan trắc - giám sát tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ khai thác, sử dụng và xả thải vào nguồn nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ thống dữ liệu tài nguyên nước đồng bộ, kết nối liên thông giữa các cấp. Chủ động điều tiết, phân bổ nguồn nước, hạn chế khai thác nước dưới đất, thích ứng với hạn hán, xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu.

Kiểm soát nghiêm các nguồn thải, bảo vệ hành lang nguồn nước, miền cấp nước dưới đất và các nguồn nước phục vụ sinh hoạt; ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình nhằm phòng, chống sạt lở, ngập lụt, sụt lún đất; phục hồi các dòng sông, nguồn sinh thủy và bảo đảm an ninh nguồn nước lâu dài.

Khuyến khích áp dụng công nghệ tiết kiệm nước, tái sử dụng và tuần hoàn nước; nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi, cấp nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội hóa nguồn lực trong bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản, nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục thăm dò các điểm khoáng sản có triển vọng thuộc khu vực công bố khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm 05 vùng: (i) Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm khu dân cư tập trung ở các đô thị từ loại III trở lên trên địa bàn tỉnh; (ii) nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các nhà máy nước, công trình nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật về tài nguyên nước; (iii) khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản: Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau và các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (iv) khu vực bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa nằm trên địa bàn tỉnh; (v) các vùng bảo vệ nghiêm ngặt khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải gồm 04 vùng: (i) vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định (phân khu dịch vụ - hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực bảo vệ 2 của các di tích lịch sử, văn hóa, các vùng đệm khác theo quy định pháp luật); (ii) vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh đã được xác định theo quy định của pháp luật; (iii) hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (iv) các vùng hạn chế phát thải khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng môi trường khác: Ngoài các vùng nêu trên.

b) Phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường

Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm bao phủ các thành phần môi trường chủ yếu gồm nước mặt, nước dưới đất, nước biển, không khí, đất, trầm tích và đa dạng sinh học; ưu tiên bố trí tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất tập trung, hồ chứa và các khu vực nhạy cảm về môi trường. Mạng lưới quan trắc được rà soát, điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu quản lý môi trường và quy định pháp luật từng giai đoạn; từng bước tăng cường quan trắc tự động, liên tục, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giám sát, cảnh báo sớm và công tác chỉ đạo, điều hành bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học các vườn quốc gia đã được thành lập và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý, bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm và các hệ sinh thái tự nhiên trọng yếu; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, nuôi trồng, ngăn ngừa sinh vật ngoại lai xâm hại. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thu thập và bảo tồn nguồn gen; ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra, giám sát và quản lý đa

dạng sinh học, gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Chú trọng bảo tồn rừng, hệ sinh thái biển, trồng rừng ngập mặn, kè biển chắn sóng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Kiến toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; huy động đa dạng nguồn lực cho bảo tồn. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái, sinh kế bền vững cho người dân vùng đệm, thúc đẩy xã hội hóa trong bảo vệ và phát triển rừng.

Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích các hệ sinh thái rừng tự nhiên, bao gồm hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng ngập nước, hệ sinh thái rừng trên đất than bùn. Bảo vệ và giữ vững diện tích rừng phòng hộ ven biển, các vườn chim trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

3. Phương án phát triển thị trường các-bon

Đến năm 2030, tỉnh Cà Mau phấn đấu tham gia đầy đủ và hiệu quả vào thị trường các-bon trong nước, đưa tín chỉ các-bon trở thành một loại tài sản môi trường hợp pháp, có đóng góp thiết thực cho tăng trưởng GRDP, hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng, cũng như nâng cao sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Đến năm 2050, hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu các-bon của tỉnh sẽ được tích hợp sâu vào thị trường các-bon quốc gia, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò của Cà Mau là địa phương tiên phong trong khai thác hiệu quả giá trị kinh tế - sinh thái của rừng ngập mặn và các-bon xanh ven biển.

XI. PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu

Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro. Các phương án được xây dựng theo nhiều kịch bản, dựa trên lịch sử thiên tai và yếu tố bất thường, xác định rõ khu vực và đối tượng dễ bị tổn thương; phân công nhiệm vụ cụ thể theo phương châm “4 tại chỗ”, “3 sẵn sàng”, bảo đảm chủ động nguồn lực và khả năng triển khai hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản lý, giám sát và dự báo biến đổi khí hậu, trọng tâm là hoàn thiện mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu theo quy hoạch quốc gia; đầu tư các trạm quan trắc hiện đại (khí tượng, thủy văn, hải văn, đo mặn), tăng mật độ và phân bố hợp lý theo vùng sinh thái. Thường xuyên đánh giá khí hậu, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tăng cường cung cấp, chia sẻ thông tin dự báo, cảnh báo sớm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai.

Bố trí ổn định dân cư đảm bảo phù hợp với quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan, đáp ứng yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình hạ tầng thiết yếu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với

phong tục tập quán của người dân và phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

2. Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

Hạ tầng đê biển: Tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống đê biển Đông và đê biển Tây nhằm bảo vệ không gian phát triển ven biển. Hoàn thiện nâng cấp đê biển Đông đoạn từ ranh Cần Thơ đến Gành Hào; giai đoạn tiếp theo xây mới tuyến đê biển Đông từ Gành Hào đến Bảy Háp. Nâng cấp hoàn chỉnh đê biển Tây; sau khi hoàn thành tuyến đê biển Đông và hệ thống cống dưới đê, từng bước nâng cấp tuyến đê từ phường Hiệp Thành đến Kênh 5 lên cấp I.

Hạ tầng đê sông, đê bao: Phát triển hệ thống đê sông gắn với bờ bao các ô bao sản xuất, bảo đảm yêu cầu chống tràn theo cấp công trình, phù hợp điều kiện thủy văn từng khu vực. Ưu tiên đầu tư các tuyến đê, đê bao quan trọng phục vụ ổn định sản xuất, dân sinh; các hạng mục còn lại được bố trí đầu tư sau năm 2030 theo danh mục quy hoạch.

Hạ tầng phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Triển khai đồng bộ giải pháp phi công trình và công trình; nâng cao nhận thức cộng đồng; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và phân vùng nguy cơ sạt lở; tăng cường quản lý hoạt động ven sông, ven biển; hiện đại hóa quan trắc, dự báo và cảnh báo sớm. Ưu tiên xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm, khu dân cư và hạ tầng trọng yếu; áp dụng giải pháp công trình phù hợp điều kiện nền đất yếu, kết hợp hài hòa giữa công trình cứng, công trình mềm và giải pháp sinh thái, gắn với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão: Trong hệ thống cảng/bến thủy nội địa có cảng cá Gành Hào, cảng cá Sông Đốc, cảng cá Rạch Gốc, cảng cá Cái Đôi Vàm, cảng cá Hồ Gui phục vụ hoạt động nghề cá. Quy hoạch bổ sung/khai thác khu neo đậu tránh trú bão tại các cụm cửa sông - ven biển trọng yếu (Năm Căn, Hòn Khoai, Ông Đốc, Gành Hào, Vĩnh Hậu, Rạch Gốc, Cái Đôi Vàm, Khánh Hội, Nhà Mát, Cái Cù, Bò Đề, Hồ Gui, Rạch Tàu, Đá Bạc,...) để tăng an toàn và năng lực hậu cần biển.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVII kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tập trung nguồn vốn đầu tư công cho các nhóm công trình, dự án trọng điểm có tính chất dẫn dắt và lan tỏa, ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và nội tỉnh, nhất là các tuyến trục động lực, tuyến ven biển, ven sông, các tuyến kết nối Khu kinh tế Năm Căn, Cụm đảo Hòn Khoai với mạng lưới giao thông quốc gia và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; hạ tầng cảng biển, logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng thủy lợi, phòng chống ngập úng, sạt lở bờ sông, bờ biển và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời, đầu tư đồng bộ hạ tầng năng lượng, truyền tải điện, cấp, thoát nước,

hạ tầng thông tin, hạ tầng số và hạ tầng xã hội thiết yếu. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan để tranh thủ tối đa nguồn lực hỗ trợ, bảo đảm các dự án trọng điểm được triển khai đúng tiến độ, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách, đặc biệt là vốn khu vực tư nhân, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các hình thức hợp tác công - tư (PPP), tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế và khả năng thu hút đầu tư của tỉnh như: Hạ tầng giao thông chiến lược, trung tâm logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, du lịch sinh thái và du lịch biển đảo. Ưu tiên thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có năng lực tài chính mạnh, tầm nhìn đầu tư dài hạn.

Chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thu hút nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực về tài chính, công nghệ và quản trị để đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh; từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian chuẩn bị và phê duyệt dự án, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng; tăng cường đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó nâng cao khả năng hấp thụ vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực động lực và chủ lực của tỉnh gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, trọng tâm là kinh tế biển, năng lượng tái tạo, logistics - dịch vụ cảng biển, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - biển đảo, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh đào tạo lao động kỹ thuật, lao động tay nghề cao và nhân lực quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển các dự án lớn, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dịch vụ hiện đại.

Thu hút và khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học và giáo dục nghề nghiệp đầu tư, mở rộng hoạt động; tăng cường liên kết cơ sở đào tạo - doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập, tuyển dụng; nâng cao hiệu quả phân luồng, định hướng nghề nghiệp sau trung học phù hợp với các mũi nhọn kinh tế và không gian phát triển của tỉnh.

Đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục - đào tạo hiện có, gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của các dự án trọng điểm; đẩy mạnh đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, nhất là trong lĩnh vực thủy hải sản, nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp chế biến, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và nâng cao năng suất. Đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại.

Thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao; tạo điều kiện về môi trường làm việc, nhà ở và hạ tầng xã hội để người lao động gắn bó lâu dài; khuyến khích người cao tuổi có kinh nghiệm

tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, phát triển “kinh tế bạc” góp phần phát triển bền vững.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số gắn với cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong điều hành, giám sát, đánh giá và ra quyết định dựa trên dữ liệu, hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính; mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; ứng dụng nền tảng số trong quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư, tài nguyên, môi trường và xây dựng.

Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số, ưu tiên xây dựng và kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung, thúc đẩy chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực động lực của tỉnh như: Kinh tế biển, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng giải pháp số, công nghệ xanh và sản xuất thông minh nhằm nâng cao năng suất và sức cạnh tranh.

Sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội thông qua hợp tác công - tư, liên kết viện - trường - doanh nghiệp, phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế.

Song song với đó, chú trọng xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh truyền thông khoa học - công nghệ, nâng cao nhận thức của cán bộ, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển nhanh, bền vững.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái và đặc thù của tỉnh Cà Mau - địa phương chịu tác động mạnh của nước biển dâng, xâm nhập mặn và sạt lở bờ biển - bờ sông; các chính sách được xây dựng đồng bộ, khả thi, có trọng tâm và gắn trách nhiệm rõ ràng trong tổ chức thực hiện.

Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu ngay từ khâu xây dựng chính sách, xúc tiến đầu tư và lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển; áp dụng tiêu chí môi trường, tiêu chuẩn xanh trong lựa chọn dự án, ưu tiên công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, đặc biệt đối với các dự án năng lượng, công nghiệp, hạ tầng, du lịch và đô thị.

Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp phép

môi trường và giám sát sau cấp phép; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

Đồng thời, triển khai các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu gắn với bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái, nhất là rừng ngập mặn và vùng ven biển - ven sông; đầu tư công trình phòng chống sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn, bảo đảm sinh kế bền vững. Khuyến khích kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và người dân.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách liên kết phát triển vùng và liên tỉnh, xác định rõ vai trò của Cà Mau trong không gian phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Tăng cường hợp tác trong vùng để hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ và các cụm liên kết ngành trong các lĩnh vực có lợi thế như: Kinh tế biển, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, logistics và du lịch sinh thái; từng bước phát triển các hành lang kinh tế gắn với hệ thống giao thông, cảng biển và hạ tầng logistics liên vùng.

Đẩy mạnh hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ trong phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, logistics, cảng biển, chế biến sâu và tiêu thụ nông - thủy sản; tăng cường phối hợp thu hút đầu tư, phát triển chuỗi cung ứng, chia sẻ thông tin thị trường và kết nối doanh nghiệp, giúp sản phẩm chủ lực của tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị quốc gia và khu vực.

Tăng cường liên kết nội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là trong nông nghiệp bền vững, quản lý tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ sinh thái; chú trọng liên kết theo tiểu vùng ven biển và bán đảo Cà Mau, nâng cấp chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nhất là với các đối tác ASEAN, trong các lĩnh vực kinh tế biển, năng lượng tái tạo, logistics, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, bảo đảm quốc phòng - an ninh, từng bước khai thác hiệu quả các tuyến giao thương và kết nối thị trường quốc tế qua hệ thống cảng biển, nâng cao vị thế tỉnh Cà Mau trong mạng lưới liên kết khu vực và quốc tế.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách quản lý phát triển đô thị và nông thôn theo mô hình đa trung tâm, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó phát triển đô thị Cà Mau giữ vai trò trung tâm, động lực lan tỏa; đồng thời hình thành mạng lưới đô thị ven biển, đô thị cửa ngõ và đô thị vệ tinh gắn với trục giao thông, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và không gian kinh tế biển. Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, sinh thái, phù hợp điều kiện nền đất yếu, ngập lụt và nước biển dâng.

Sử dụng hiệu quả các công cụ quy hoạch để kiểm soát chặt chẽ đô thị hóa, tránh phát triển dàn trải, gia tăng dân số cơ học; bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch, gắn phát triển đô thị với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và an toàn trước rủi ro thiên tai.

Quản lý chặt chẽ phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, ưu tiên nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; kiểm soát sử dụng đất và thị trường bất động sản theo hướng minh bạch, lành mạnh, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Song song với đó, phát triển nông thôn bền vững, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và chuyển dịch lao động; thúc đẩy mô hình đô thị - nông thôn hài hòa, bảo tồn không gian sinh thái, văn hóa; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý đô thị, nông thôn.

7. Giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tổ chức hoạt động theo phương châm “phục vụ - đồng hành - kiến tạo”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Phấn đấu duy trì và nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAR Index, PAPI, SIPAS, qua đó cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành; khắc phục chồng chéo, trùng lặp trong quản lý nhà nước. Chuẩn hóa, liên thông quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình và phối hợp liên ngành.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, liêm chính, có năng lực quản trị hiện đại; tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số và phối hợp. Từng bước áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm cá nhân; thực hiện khen thưởng - kỷ luật minh bạch, tạo động lực làm việc và nâng cao đạo đức công vụ, góp phần xây dựng nền hành chính tỉnh Cà Mau hiện đại, hiệu quả.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch

Công bố công khai Quy hoạch tỉnh bằng nhiều hình thức, bảo đảm người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận; huy động sự tham gia giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện. Cụ thể hóa quy hoạch bằng Chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xác định rõ nhiệm vụ, dự án ưu tiên, lộ trình và nguồn lực, bảo đảm đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, gắn trách nhiệm người đứng đầu và xử lý kịp thời các vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong theo dõi, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch dùng chung. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, tăng cường phối hợp liên ngành và phát huy vai trò của doanh nghiệp trong triển khai quy hoạch.

XIII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXVIII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch chi tiết ngành theo quy định pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Trong quá trình triển khai, thực hiện quy hoạch, trường hợp có nội dung mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn, thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành Trung ương (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành vùng ĐBSCL;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng khối NC-TH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CH (QĐ 15).

CHỦ TỊCH



Lữ Quang Ngời

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4431 /UBND-NNXD

Cà Mau, ngày 30 tháng 3 năm 2026

V/v thống nhất phương án hướng
tuyến Dự án đường ven biển đoạn
qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh
kết nối đường Nam Sông Hậu

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Ban Quản lý dự án xây dựng
công trình giao thông tỉnh.

Sau khi xem xét Công văn số 2184/SXD-QLXD ngày 27/3/2026 của Sở Xây dựng về việc phương án hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

1. Thống nhất phương án hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu theo đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn nêu trên.

2. Giao Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh khẩn trương hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án theo đúng quy định của pháp luật để trình cấp thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt; trong quá trình thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan rà soát các yếu tố về quy hoạch, quỹ đất, giải phóng mặt bằng, môi trường và các nội dung có liên quan để bảo đảm tính khả thi của dự án.

3. Giao Sở Xây dựng tiếp tục chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn, rà soát phương án kỹ thuật, quy mô đầu tư, hướng tuyến bảo đảm phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển giao thông của tỉnh; đồng thời, chủ động theo dõi, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện và kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Đề nghị Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đúng chủ trương nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng NN-XD (*Kh_{CV035}*);
- Lưu: VT, TH371/3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2269 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Đường vành đai ngoài
thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I);

Xét Công văn số 2192/SXD-QLXD và số 2194/SXD-QLXD ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 1296/TTr-BDAGT ngày 10/12/2024; Sở Xây dựng tại Tờ trình số 221/TTr-SXD ngày 20/12/2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1) với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1).
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông của tỉnh Bạc Liêu nói chung và thành phố Bạc Liêu nói riêng; thúc đẩy lưu thông vận chuyển hàng hóa phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian đô thị thành phố Bạc Liêu, tạo động lực thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực tuyến đường đi qua nói riêng và thành phố Bạc Liêu nói chung.

- Phối hợp đồng bộ với các dự án khác tạo thành hệ thống giao thông kết nối và đồng bộ, tăng tính hiệu quả của chi phí vận chuyển đối với vùng sản xuất, giảm chi phí lưu thông của các phương tiện đến các địa điểm du lịch, ngoài ra còn đảm bảo ứng phó có hiệu quả với việc biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn thành phố Bạc Liêu

- Từng bước thực hiện điều chỉnh mục đích sử dụng đất, thúc đẩy việc phát triển quỹ đất một cách có hiệu quả, tăng chỉ tiêu sử dụng đất giao thông trên địa bàn tỉnh.

4.2. Quy mô đầu tư:

a. Phần đường:

- Vận tốc thiết kế: 50km/h.
- Tải trọng trục xe thiết kế $P = 100 \text{ kN}$.
- Loại mặt đường: Cấp cao A2 (mặt đường láng nhựa).
- Tổng chiều dài tuyến: 9,547km (bao gồm cả cầu); trong đó:
 - + Điểm đầu: Nối vào đường cong của đường vành đai ngoài khu dân cư Hoàng Phát;
 - + Điểm cuối: Nút giao với tuyến đường Cao Văn Lầu.
- Mặt cắt ngang theo quy hoạch:
 - + Bề rộng nền đường : 33,0m;

- + Bề rộng mặt đường : $2 \times 9\text{m} = 18,0\text{m}$;
- + Dải phân cách giữa : $2,0\text{m}$
- + Bề rộng vỉa hè + taluy : $2 \times 6,5\text{m} = 13,0\text{m}$.

- Mặt cắt ngang theo phân kỳ đầu tư giai đoạn 1:

- + Bề rộng nền đường : $33,0\text{m}$;
- + Bề rộng làn đường xe cơ giới : $4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$;
- + Bề rộng làn đường xe thô sơ : $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$;
- + Dải an toàn giữa : $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$;
- + Dải phân cách giữa : $2,0\text{m}$
- + Bề rộng vỉa hè + taluy : $2 \times 2,0\text{m} + 2 \times 4,5 = 13,0\text{m}$.

b. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Bố trí hệ thống thoát nước dọc hai bên đường, khẩu độ cống từ D800 – D1.500, độ dốc tối thiểu $i=1/D$;

- Cống ngang đường:

+ Tải trọng thiết kế: HL93.

+ Xây dựng mới: 17 cống tròn BTCT có đường kính D1200 - D2000 và 03 cống hộp BTCT.

c. Phần cầu: Xây dựng 02 cầu gồm cầu vượt kênh Bạc Liêu và cầu Ông Bồn với các thông số kỹ thuật như sau:

- Loại công trình : Cầu BTCT vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế : HL93.
- Tốc độ thiết kế cầu : 50km/h
- Tải trọng người : 3kpa .
- Bề rộng làn đường xe cơ giới : $4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$;
- Bề rộng làn đường xe thô sơ : $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$;
- Bề rộng dải an toàn giữa : $2 \times 0,25\text{m} = 0,5\text{m}$.
- Bề rộng dải phân cách giữa : $0,3\text{m}$
- Lễ bộ hành + lan can cầu : $2 \times 1,60\text{m} = 3,2\text{m}$.
- Bề rộng toàn cầu : $21,0\text{m}$.
- Lý trình, sơ đồ nhịp thiết kế như sau:

STT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Tính không thông thuyền	
				Ngang (m)	Đứng (m)
1	Vượt kênh Bạc Liêu	Km2+265,65	39,2+40+41+42+41+40+39,2	30	$\geq 6,0$
2	Cầu Ông Bồn	Km7+669,74	1x18,60	10	$\geq 1,0$

d. Hàm chui dân sinh: Bố trí 02 hàm chui BTCT phục vụ dân sinh

STT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (dự kiến)	Ghi chú
1	Km3+130	5,0x3,0	40,0m	
2	Km3+150	5,0x3,0	40,0m	

ẽ. Chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng trên dải phân cách giữa (kể cả phần cầu) bằng đèn chiếu sáng đường LED, có công suất 145W; hệ thống được điều khiển qua tủ điều khiển chiếu sáng, cấp nguồn từ các trụ điện trung thể hiện hữu thông qua trạm biến áp.

f. Cây xanh: Bố trí cây xanh trên dải phân cách, đảm bảo cảnh quan đô thị;

g. Công trình an toàn giao thông: Bố trí hệ thống an toàn giao thông phù hợp QCVN 41:2019/BGTVT và QCVN 39:2020/BGTVT.

(Chi tiết theo hồ sơ dự án đã thẩm định trình kèm theo).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng, lập thiết kế cơ sở: Tổng Công ty tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP.

6. Địa điểm xây dựng: Phường 1, Phường 5, phường Nhà Mát, xã Hiệp Thành thuộc thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

7. Loại, nhóm dự án và cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

7.1. Loại, nhóm dự án và cấp công trình: Công trình giao thông; dự án nhóm B; cấp công trình cấp II.

7.2. Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 15 năm *(theo TCCS 38:2022 TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế)*.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước *(thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công)*.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I) của Sở Xây dựng tại các văn bản số 2192/SXD-QLXD và số 2194/SXD-QLXD ngày 19 tháng 12 năm 2024.

9. Tổng mức đầu tư của dự án: 1.440.405.000.000 đồng (Bằng chữ: Một ngàn bốn trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng : 492.087.930.715 đồng.
- Chi phí xây dựng : 725.290.934.734 đồng.
- Chi phí thiết bị : 826.643.400 đồng.
- Chi phí quản lý dự án : 8.263.406.034 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 39.915.643.090 đồng.
- Chi phí khác : 12.503.848.605 đồng.
- Chi phí dự phòng : 161.516.691.772 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030 và các nguồn vốn hợp khác (Theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của nội dung, thông tin, số liệu và sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với hồ sơ dự án nêu trên; lưu ý tiếp thu và thực hiện các ý kiến của cơ quan thẩm định tại các văn bản số 2192/SXD-QLXD và số 2194/SXD-QLXD ngày 19 tháng 12 năm 2024.

2. Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác và sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, cân đối và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn thực

hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- UBND TP Bạc Liêu;
- PCVP Trần Trung Vĩ;
- Trưởng phòng KT;
- Phòng Tổng hợp: TP, CV Gia;
- Lưu: VP, Khanh (QĐ016).



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiệu

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 7312 /BXD-KHTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

V/v tham gia ý kiến về Báo cáo
nghiên cứu tiền khả thi Dự án
đường ven biển đoạn qua tỉnh
Bạc Liêu và đoạn nhánh kết
nối đường Nam Sông Hậu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Bộ Xây dựng nhận được Văn bản số 5463/UBND-NNXD ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị góp ý đối với Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Báo cáo NCTKT) Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu (Dự án), sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Sau khi nghiên cứu, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Về nội dung đầu tư

Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 22/5/2025; theo đó, sẽ đầu tư: (i) khoảng 53,12 km đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; (ii) 6,5 km đường trục chính đô thị theo quy mô quy hoạch. Tổng vốn vay nước ngoài (ADB) cho Dự án khoảng 2.155 tỷ đồng.

2. Ý kiến tham gia cụ thể

2.1. Sự phù hợp với Đề xuất dự án được duyệt

Đề nghị bổ sung 01 mục trong Báo cáo NCTKT để đánh giá sự phù hợp với Đề xuất dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 22/5/2025.

2.2. Nguồn vật liệu sử dụng cho Dự án

Trong thời gian tới, trung ương và địa phương sẽ triển khai đồng loạt nhiều dự án xây dựng đường bộ trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Cà Mau tổng hợp nhu cầu vật liệu cát, đá của các dự án của Tỉnh sẽ triển khai trong thời gian tới để phối hợp các địa phương và các bộ ngành có các dự án trong khu vực có đánh giá tổng thể nhu cầu và khả năng cung cấp để xác định tính khả thi về nguồn vật liệu để thực hiện Dự án.

2.3. Giải pháp thiết kế sơ bộ

- Các biện pháp xử lý ổn định nền đường: Báo cáo NCTKT đưa ra 02 phương án như sau: Phương án 1: Xử lý nền đường bằng gia cố cọc cừ tràm hoặc đào thay đất kết hợp đắp phản áp; Phương án 2: Xử lý nền đường các đoạn đường đầu cầu (cống) bằng trụ đất xi măng. Tuy nhiên, Tư vấn chưa đưa ra phương án dự kiến lựa chọn làm cơ sở ước tính chi phí. Vì vậy, đề nghị rà soát để tránh tính thiếu kinh phí, dẫn đến phải bổ sung sau này.

- Kết cấu mặt đường: Báo cáo NCTKT kiến nghị giải pháp láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5 kg/m². Hiện nay các dự án mở rộng đường hiện hữu thường đề xuất sử

dụng mặt đường bê tông nhựa. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu thêm phương án sử dụng mặt đường bê tông nhựa để phân tích, lựa chọn giải pháp tối ưu.

- Công trình cầu: theo Báo cáo NCTKT, hiện trạng đoạn tuyến có 16 cầu trong đó 15 cầu có bề rộng cầu từ 7-9 m, chỉ có cầu Nhà Mát có bề rộng cầu 12 m. Hiện tại, tất cả các cầu không cấm biển hạn chế tải trọng, tình trạng tốt, riêng cầu Kênh số 13 đã xuất hiện hư hỏng. Căn cứ hiện trạng cầu nêu trên, tư vấn đưa ra 02 phương án như sau: (i) Phương án 1: Tận dụng các cầu hiện hữu, tiến hành nâng cấp, mở rộng các cầu nếu không đảm bảo khả năng khai thác. Xây dựng mới cầu Kênh số 13 với bề rộng B=12m. (ii) Phương án 2: Tận dụng và mở rộng các cầu hiện hữu chưa đủ bề rộng. Xây dựng mới cầu Kênh số 13 với bề rộng B=12m). Tư vấn đánh giá đối với Phương án 1: *“Cầu hiện hữu chưa đáp ứng được quy mô tuyến (thiếu làn xe thô sơ) nên không thuận lợi trong quá trình khai thác. Đường cong đứng cầu hiện hữu không đảm bảo yêu cầu đường cấp III”*. Như vậy, Phương án 1 còn nhiều hạn chế, nhưng Tư vấn vẫn chọn Phương án 1. Vì vậy, đề nghị phân tích, làm rõ đề xuất này.

2.4. Sơ bộ tổng mức đầu tư

- Dự án sử dụng vốn vay của ADB nên đề nghị nghiên cứu kỹ các Chính sách bảo vệ (Safeguard Policy) của ADB để tính toán các chi phí hỗ trợ theo quy định của ADB để đảm bảo đủ chi phí giải phóng mặt bằng, tránh bị thiếu hụt khi thực hiện.

- Theo Báo cáo NCTKT, thời gian thi công hoàn thành và bàn giao công trình là 2027-2032, trong khi tỷ lệ trượt giá là 6,56%. Đề nghị rà soát, đảm bảo tính đúng tính đủ, tránh vượt tổng mức đầu tư sau này.

2.5. Phân tích sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội

Đề nghị tính toán, đưa ra sơ bộ các chỉ số: Giá trị hiện tại dòng về kinh tế (ENPV), Tỷ lệ nội hoàn kinh tế (EIRR), Tỷ lệ lợi ích so với chi phí (B/C).

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Xây dựng về Báo cáo NCTKT Dự án, đề nghị Quý Ủy ban nghiên cứu, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC_{PHAMNQ}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Hà

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6497**/BTC-QLN

Hà Nội, ngày **20** tháng **5** năm 2026

V/v góp ý BCNC tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu của UBND tỉnh Cà Mau, sử dụng vốn vay ADB.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 5463/UBND-NNXD ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cà Mau đề nghị góp ý Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Báo cáo NCTKT) Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu (Dự án), dự kiến vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài (Nghị định số 242/2025/NĐ-CP), khoản 7 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP và các yêu cầu liên quan của Báo cáo NCTKT theo quy định của pháp luật về xây dựng. Qua rà soát, hồ sơ xin ý kiến của UBND tỉnh Cà Mau chưa có: Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư Dự án theo mẫu tại Phụ lục II mẫu số 01; Tờ trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo mẫu tại Phụ lục II mẫu số 04 kèm theo Nghị định này; Thư quan tâm hoặc văn bản cam kết tài trợ của nhà tài trợ;...Đề nghị tỉnh Cà Mau rà soát, hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

2. Về sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch có liên quan

a) Về sự phù hợp với định hướng ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo ngành, lĩnh vực

- Dự án nhằm mục tiêu góp phần phát triển kết cấu hạ tầng giao thông ven biển, tăng cường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế biển, thuộc đối tượng ưu tiên sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi quy định tại Điều 5 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 9/10/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ

trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài (Nghị định số 242/2025/NĐ-CP) và phù hợp với lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn vay ưu đãi tại Kế hoạch thực hiện "Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2026-2030" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 16/3/2026.

- Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 22/5/2025 và thuộc danh mục 24 dự án vùng đồng bằng sông Cửu Long được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù vay lại 10% vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tại Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ¹; đồng thời, thuộc danh mục dự kiến tài trợ của ADB giai đoạn 2026-2028.

b) Về sự phù hợp của dự án đối với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050²:

Tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định tuyến ven biển địa phận Bạc Liêu (nay thuộc tỉnh Cà Mau) từ ranh giới tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu đến ranh giới tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau, chiều dài dự kiến 55 km và tuyến ven biển Cà Mau (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) từ ranh giới tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau đến ranh giới tỉnh Cà Mau và tỉnh Kiên Giang, chiều dài dự kiến 247 km. Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát, làm rõ sự phù hợp của Dự án với Quy hoạch đường ven biển đã được duyệt (có đối chiếu và luận giải với các nội dung nêu tại Phụ lục III kèm Quyết định số 1454/QĐ-TTg nêu trên). Do tuyến đường ven biển nêu trong quy hoạch chưa xác định cụ thể địa danh điểm đầu và điểm cuối của tuyến nên đề nghị lấy ý kiến của Bộ Xây dựng để làm rõ thêm về sự phù hợp của Dự án.

c) Về sự phù hợp của dự án với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022; Quy hoạch thành phố Cần Thơ (Sóc Trăng cũ) và tỉnh Cà Mau (Bạc Liêu và Cà Mau cũ)³:

¹ Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 9/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 04 về phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 2021; Thay thế Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và tỷ lệ vay lại vốn vay nước ngoài của các dự án vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

² Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đã xác định đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển: “Hệ thống đường ven biển do địa phương đầu tư xây dựng đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; dự kiến tuyến đi qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang với tổng chiều dài tuyến dự kiến khoảng 788 km”. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tuyến để đảm bảo tính kết nối, đồng bộ toàn tuyến qua địa bàn các tỉnh, đặc biệt là đoạn tuyến chạy qua địa bàn (tỉnh Bạc Liêu cũ) để đưa vào thực hiện cho phù hợp, hiệu quả.

d) Về sự phù hợp, tính khả thi của dự án với các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan: Đề nghị nghiên cứu bổ sung làm rõ vị trí, vai trò của tuyến trong cấu trúc mạng lưới giao thông của tỉnh sau sáp nhập, mối liên kết với các trục giao thông động lực, các khu kinh tế, khu công nghiệp và các vùng phát triển trọng điểm; đồng thời rà soát các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của Dự án để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với định hướng phát triển không gian và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; cập nhật các yêu cầu phát triển của địa phương sau khi sáp nhập tỉnh và tổ chức chỉnh quyền địa phương 2 cấp.

UBND tỉnh Cà Mau cần rà soát tổng thể, đánh giá kỹ tính khả thi của việc thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư Dự án, đảm bảo không trùng lặp với các dự án khác trên địa bàn và chịu trách nhiệm toàn diện về việc Dự án đáp ứng các mục tiêu chống chịu, ứng phó với biến đổi khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long, phù hợp Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ.

2. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự án

Theo Báo cáo NCTKT Dự án, Dự án thuộc lĩnh vực giao thông, có tổng mức đầu tư dự kiến là **3.766,173** tỷ đồng, tương đương **150,208** triệu USD (Nhóm A).

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2024 và Điều 12 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 9/10/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự án là Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

3. Về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho Dự án

- Về tổng mức đầu tư: Dự án có tổng mức đầu tư là 3.766,173 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 1.512,650 tỷ đồng và vốn ODA là 2.253,524 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 25/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, nhu cầu bố trí vốn của Dự án là 3.750,051 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 1.594,944 tỷ đồng và vốn ODA là 2.155,107 tỷ đồng. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau rà soát, đảm bảo thống nhất số liệu về dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn tại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đồng thời, việc xác định tổng mức đầu tư phải căn cứ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức

kinh tế - kỹ thuật theo các pháp luật chuyên ngành, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Về việc bố trí vốn đối ứng:* Tổng vốn đối ứng Dự án dự kiến 1.512,650 tỷ đồng (chiếm 40,16% tổng mức đầu tư Dự án), bình quân khoảng 252,1 tỷ đồng/năm. Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau làm rõ khả năng và cam kết cân đối, bố trí đủ vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- *Về bố trí vốn đầu công (nguồn nước ngoài):* UBND tỉnh Cà Mau chưa đề xuất tiến độ giải ngân vốn vay nước ngoài của dự án ứng với tiến độ thực hiện Dự án. Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát tiến độ Dự án, căn cứ nguyên tắc phân bổ vốn năm 2026 tại Thông báo số 15929/BTC-NSNN ngày 14/10/2025 của Bộ Tài chính về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 để xem xét, bố trí vốn năm 2026 cho Dự án và đăng ký kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030, bảo đảm bố trí đủ vốn, đúng tiến độ, tránh tình trạng chậm giải ngân hoặc kéo dài thời gian thực hiện, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn vay.

4. Về tổng mức vốn vay

- Theo Báo cáo NCKT Dự án, vốn vay ADB dự kiến 89,878 triệu USD, nằm trong hạn mức vốn vay tính theo đồng ngoại tệ đã được phê duyệt tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 22/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ.

- Tại Quyền số 3 (Sơ bộ tổng mức đầu tư) kèm hồ sơ Báo cáo NCKT Dự án, đề nghị UBND tỉnh Cà Mau bổ sung giải trình chi tiết các hạng mục đầu tư dự kiến sử dụng vốn vay, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc sử dụng vốn vay cho chi đầu tư phát triển và phù hợp với các nội dung sử dụng vốn vay theo quy định tại Nghị định số 242/2025/NĐ-CP (điểm a khoản 2 Điều 6).

5. Về cơ chế tài chính Dự án

- Vốn vay ADB: Theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Dự án được áp dụng cơ chế vay lại 10% vốn vay ADB.

- Vốn đối ứng: do UBND tỉnh Cà Mau bố trí từ ngân sách địa phương.

6. Về hạn mức vay nợ của tỉnh Cà Mau

Hồ sơ Dự án chưa thể hiện nội dung đánh giá hạn mức vay nợ của ngân sách địa phương (dự nợ đến thời điểm đánh giá, các dự án dự kiến vay trong giai đoạn 2026-2030 và nghĩa vụ trả nợ tương ứng). Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát, bổ sung và đánh giá cụ thể khả năng vay, trả nợ của tỉnh đối với Dự án; bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu và tính khả thi của phương án tài chính.

7. Các nội dung khác tại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- Về Báo cáo NCTKT Dự án: Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát Báo cáo NCTKT đảm bảo tuân thủ đúng quy định về hồ sơ, nội dung của Báo cáo NCTKT dự án nhóm A có cấu phần xây dựng quy định tại Điều 53 Luật Xây dựng, Điều 11 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Điều 13 của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP liên quan tới mẫu Báo cáo NCTKT dự án nhóm A. UBND tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm toàn bộ về thông tin, số liệu cung cấp tại Báo cáo NCTKT.

- Về tổng mức đầu tư của Dự án: đề nghị UBND Tỉnh Cà Mau rà soát các hạng mục đầu tư, không đưa nội dung đầu tư trùng lặp, không thuộc Quy hoạch, trên cơ sở đó, căn cứ khối lượng, đơn giá, định mức trong nước để tính toán các chi phí tổng mức đầu tư dự án đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản có liên quan. Đồng thời bổ sung dự kiến tiền độ giải ngân dự án theo từng nguồn vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Về phương án vay, trả nợ Dự án: Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau làm việc với ADB thống nhất thời hạn dự kiến vay (trong phạm vi thời hạn tối đa là 30 năm gồm 8 năm ân hạn), bổ sung phương án trả nợ phần vốn vay lại theo thời hạn dự kiến. Bổ sung đánh giá hạn mức vay nợ của địa phương theo quy định.

- Về quản lý tài sản: Theo nội dung Thuyết minh Báo cáo NCTKT, Dự án sẽ hình thành kết cấu hạ tầng đường bộ. Hiện nay, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/4/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trong đó, tại khoản 5 Điều 5 quy định về việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước. Do đó đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý là Nghị định số 44/2024/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP⁴, Điều 7 Nghị định số 127/2025/NĐ-CP⁵) và nghiên cứu quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP nêu trên để bổ sung việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Ngoài ra, Dự án được triển khai tại khu vực ven biển với điều kiện địa chất yếu, chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và nguy cơ thiếu hụt vật liệu xây dựng, đặc biệt là cát đắp nền. Tuy nhiên, hồ sơ chưa đánh giá đầy đủ các yếu tố rủi ro kỹ thuật, chưa làm rõ nguồn cung vật liệu, giải pháp xử lý nền đất yếu cũng như các biện pháp ứng phó với nước biển dâng, xâm nhập mặn và sạt

⁴ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

⁵ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

lờ. Đồng thời, cần bổ sung đánh giá rủi ro về tiến độ và chi phí trong trường hợp biến động giá vật liệu và thiếu hụt nguồn cung, làm cơ sở kiểm soát tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau rà soát, đánh giá hướng tuyến có đi qua các khu vực nhạy cảm, ảnh hưởng tới môi trường, an ninh, quốc phòng để lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (nếu có).

- Báo cáo NCTKT Dự án đã thuyết minh nội dung phân tích sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội, nội dung phân tích hiện còn khái quát, chủ yếu nêu mang tính định tính, chưa lượng hóa đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. Đề nghị bổ sung nội dung sơ bộ các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành Dự án sau khi hoàn thành để tính toán các chỉ tiêu đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế-xã hội có định lượng; bên cạnh đó cần đánh giá tác động của Dự án (theo yêu cầu của pháp luật về xây dựng).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị UBND tỉnh Cà Mau hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Các Vụ: GSTDDT, KTDP; NSNN, PTHT;
- Cục QLCS;
- Lưu: VT, QLNN *[Chữ ký]*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1720 /SNNMT-QLĐĐ

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

V/v góp ý phương án tuyến Dự án
đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu
(cũ) và đoạn nhánh kết nối đường
Nam Sông Hậu

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Công văn số 1169/SXD-QLXD ngày 24/02/2026 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến hoàn thiện phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu. Sau khi nghiên cứu nội dung Công văn nêu trên và hồ sơ kèm theo, ***Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:***

Qua rà soát nội dung Báo cáo tóm tắt Phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu được Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh xây dựng là phù hợp, Sở Nông nghiệp và Môi trường cơ bản thống nhất Phương án tuyến. Tuy nhiên, theo Phương án tuyến có một số đoạn chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt, để triển khai thủ tục đất đai đúng quy định, sau khi Phương án tuyến được cấp thẩm quyền thống nhất đề nghị Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh cung cấp thông tin đến Ủy ban nhân dân các xã: Gành Hào, Long Điền, Đông Hải, Vĩnh Hậu và phường Hiệp Thành để làm cơ sở đưa vào Quy hoạch chung của địa phương khi lập, điều chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Sở Xây dựng nghiên cứu, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các PGĐ Sở (để biết);
- Chỉ cục QLĐĐ;
- Lưu: VT (Đào).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thanh Dũng

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2062 /STC-ĐT

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2026

V/v góp ý phương án tuyến Dự án
đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc
Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối
đường Nam Sông Hậu

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1169/SXD-QLĐT ngày 24/02/2026 của Sở Xây dựng về việc lấy ý kiến hoàn thiện phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu (kèm theo Báo cáo số 116/BQLDAGT ngày 10/02/2026 của Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau). Qua nghiên cứu nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bạc Liêu (nay là Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau) tổ chức triển khai các bước để thực hiện dự án tại Công văn số 03870/UBND-NNXD ngày 09/9/2025. Nay Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau hoàn thiện phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo là phù hợp.

Đối với phương án tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu theo đề xuất của Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau, Sở Xây dựng lưu ý phương án tuyến cần đảm bảo kết nối đồng bộ, thông suốt, an toàn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh; đồng thời, phải tuân thủ quy hoạch và đảm bảo tính khả thi của phương án và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Sở Tài chính có ý kiến gửi đến Sở Xây dựng theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (iO);
- Lưu VT, ĐT, Cg79.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trường

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ XÂY DỰNG

Số: 2996 /SXD-QLXD

V/v góp ý kiến thẩm định Báo
cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự
án đường ven biển đoạn qua
tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh
kết nối đường Nam Sông Hậu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư

Tôi tên: Lâm Tú Thanh, Thành viên Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư,
Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tại Công văn số
3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 về việc góp ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền
khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam
Sông Hậu. Sau khi xem xét, tôi có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án nhóm A

Đề nghị Sở Tài chính rà soát lại nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số
225/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập các Hội đồng
thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa
bàn tỉnh để xác định thẩm quyền của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án nhóm
A sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng nhân dân tỉnh phù
hợp theo quy định.

2. Về cơ sở pháp lý

Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường
Nam Sông Hậu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án tại Quyết định số
986/QĐ-TTg ngày 22/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất phương án
hướng tuyến tại Văn bản số 4431/UBND-NNXD ngày 30/3/2026. Việc Ban Quản lý
dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu
tiền khả thi với dự án nêu trên là phù hợp với chủ trương của cấp có thẩm quyền và
quy định pháp luật.

3. Về sự phù hợp quy hoạch

Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản phù hợp với Quy hoạch
tỉnh Cà Mau (điều chỉnh) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội
đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 25/02/2026, Quy
hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và các
quy hoạch xây dựng có liên quan.

4. Về phương án chọn và tổng mức đầu tư dự án

Đơn vị tư vấn nghiên cứu các phương án:

(1) Phương án 1A: Mặt đường cấp cao A2; tận dụng cầu và xây dựng xây mới cầu Kênh số 13; tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3.766.173 tỷ đồng.

(2) Phương án 1B: Mặt đường cấp cao A2; nâng cấp, mở rộng cầu cũ đảm bảo quy mô cấp đường và xây mới cầu Kênh số 13; tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3.813.520 tỷ đồng.

(3) Phương án 1C: Mặt đường cấp cao A1; tận dụng cầu và xây dựng xây mới cầu Kênh số 13; tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 4.383.491 tỷ đồng.

Qua phân tích, so sánh, đơn vị tư vấn đề xuất phương án 1A là phương án chọn.

Xét thấy, các cầu hiện hữu trên tuyến (16 cầu) với chiều rộng mặt cầu phần xe chạy từ 7,0m – 8,0m (riêng cầu Nhà Mát chiều rộng mặt cầu phần xe chạy 11,0m) đang khai thác với tải trọng thiết kế HL-93; với phương án 1B (trong đó có nâng cấp, mở rộng cầu hiện hữu đảm bảo quy mô cấp đường) thì tổng mức đầu tư cao hơn so với phương án 1A (tận dụng cầu và xây dựng xây mới cầu Kênh số 13) chỉ hơn 47 tỷ đồng. Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát lại việc tính toán các khoản mục chi phí và tổng mức đầu tư dự án (lưu ý, dự án đã có đường hiện trạng; tổng mức đầu tư phương án 1A thấp hơn phương án 1B nhưng chi phí dự phòng lại cao hơn khoảng 45 tỷ đồng...); qua đó, nghiên cứu, xem xét lựa chọn phương án nâng cấp, mở rộng cầu hiện hữu đảm bảo quy mô cấp đường (đường cấp III đồng bằng), nhằm đảm bảo tính kết nối, khai thác đồng bộ khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả dự án.

5. Nội dung khác

Giám đốc Sở Tài chính là Thường trực Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án trên, đề nghị Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan đối với Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định.

Trên đây là ý kiến của tôi, gửi đến Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, QLXD (N, Tr).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH



Lâm Tú Thanh
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

UBND TỈNH CÀ MAU
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 72 /BQLDAGT
V/v thống nhất hướng tuyến Dự án
đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc
Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối
đường Nam Sông Hậu

Cà Mau, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau

Thực hiện theo nội dung công văn số 7380/SXD-QLXD ngày 17/11/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc rà soát tổng thể hướng tuyến các dự án đường ven biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trong đó có nội dung “*Chủ động rà soát tổng thể hướng tuyến, các đoạn tuyến đi qua khu vực có nguy cơ phát sinh khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng (như khu dân cư đông đúc, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, cơ sở tôn giáo,...); cần phân tích, đánh giá kỹ, đề xuất phương án tuyến hợp lý*”. ***Qua rà soát, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau có ý kiến như sau:***

Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau đã ký hợp đồng tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu. Hiện nay đơn vị tư vấn đã hoàn thiện phương án tuyến của dự án nói trên theo tinh thần công văn số 7380/SXD-QLXD, do đó để thực hiện các bước tiếp theo Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau kiến nghị Sở Xây dựng báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, cho ý kiến đối với phương án tuyến nói trên (*đính kèm các văn bản có liên quan và sơ họa vị trí hướng tuyến*).

Rất mong Sở Xây dựng xem xét, sớm báo cáo cấp thẩm quyền cho ý kiến về hướng tuyến để dự án được triển khai thực hiện bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (iO);
- LD Trường Sơn – PDIC Việt Nam (p/h);
- Lưu VT, P.QLDA3 (Đồng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Nhật Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LONG ĐIỀN**

Số:357 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Điền, ngày 17 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Về việc góp ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu
và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu**

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau
(Thường trực Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư)

Thực hiện Công văn số 3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu; trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự án do Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau trình, đối chiếu với các quy hoạch, số liệu kinh tế - xã hội, hiện trạng địa bàn và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân xã Long Điền báo cáo, góp ý như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển

Qua đối chiếu hồ sơ với định hướng phát triển không gian ven biển, phát triển hạ tầng giao thông, tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn và phát triển kinh tế ven biển của tỉnh Cà Mau sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã Long Điền nhận thấy về tổng thể dự án là phù hợp với định hướng hoàn thiện hành lang giao thông ven biển, tăng cường liên kết vùng, hỗ trợ phát triển kinh tế biển, bảo vệ quốc phòng - an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với xã Long Điền, tuyến đường dự án không chỉ có ý nghĩa kết nối giao thông đơn thuần mà còn gắn với tái cấu trúc không gian phát triển của xã theo hướng nâng cao chất lượng hạ tầng, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, mở rộng liên kết với các khu vực ven biển lân cận, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ công, dịch vụ y tế, giáo dục và thị trường tiêu thụ cho người dân. Địa phương hiện có cả sản xuất muối, nuôi trồng thủy sản, dân cư phân tán dọc tuyến và nhu cầu đầu tư hạ tầng phòng chống thiên tai, do đó việc đầu tư tuyến đường ven biển có thể tạo động lực lan tỏa đáng kể nếu hồ sơ được chuẩn bị kỹ.

Song, mức độ phù hợp quy hoạch phải được chứng minh bằng số liệu, bản vẽ và thuyết minh đồng nhất ở tất cả các tập hồ sơ. Địa phương đề nghị chủ đầu tư không chỉ dừng lại ở khẳng định chung về “phù hợp quy hoạch”, mà phải bổ sung bảng đối chiếu cụ thể giữa hướng tuyến, quy mô mặt cắt, phạm vi giải phóng mặt bằng, quỹ đất sử dụng, các nút giao chính, phạm vi đoạn qua dân cư, phạm vi đoạn qua vùng sản xuất và các chỉ tiêu sử dụng đất, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, khu vực cần bảo vệ môi trường theo từng xã, trong đó có xã Long Điền.

2. Về tính thống nhất, tính chuẩn xác và mức độ hoàn chỉnh của hồ sơ

Qua rà soát hồ sơ, địa phương nhận thấy bộ hồ sơ hiện còn tồn tại tình trạng chưa thống nhất giữa các tập tài liệu về căn cứ pháp lý, tên gọi cơ quan, chiều dài tuyến, quy mô một số hạng mục và cả tên địa danh.

Trước hết, về căn cứ pháp lý, giữa các tập hồ sơ có sự khác nhau đáng kể trong cách viện dẫn số hiệu, ngày ban hành và thậm chí nội dung của một số luật, nghị định. Địa phương đề nghị chủ đầu tư tổ chức rà soát pháp lý toàn bộ hồ sơ, lập bảng thống nhất căn cứ pháp lý dùng chung cho tất cả các tập, loại bỏ ngay các viện dẫn sai số hiệu, sai ngày ban hành, ghi nhầm hoặc ghi không đúng tên văn bản.

Thứ hai, về chủ thể tham gia dự án, hồ sơ chưa hoàn toàn thống nhất về tên cơ quan chủ dự án, chủ đầu tư hoặc đơn vị đề xuất dự án giữa các tập tài liệu. Đây là nội dung liên quan trực tiếp đến thẩm quyền, trách nhiệm và tính hợp lệ của hồ sơ, vì vậy phải được chỉnh sửa dứt điểm, bảo đảm từ tờ trình, thuyết minh, báo cáo khảo sát, báo cáo dự báo giao thông đến tổng mức đầu tư đều ghi thống nhất một tên chủ đầu tư/chủ quản theo đúng quyết định giao nhiệm vụ hiện hành.

Thứ ba, về quy mô hạng mục, một số tài liệu thể hiện chiều dài tuyến chính, chiều dài đoạn qua đô thị, chiều dài tuyến nhánh kết nối Đường Nam Sông Hậu và các đoạn thành phần chưa đồng nhất.

Thứ tư, hồ sơ còn xuất hiện sai sót về địa danh, như có chỗ ghi xã Long Hải thay cho xã Đông Hải, hoặc diễn đạt chưa thống nhất giữa địa giới trước và sau sáp nhập.

3. Về sự kế thừa và mức độ tiếp thu ý kiến của địa phương

Hồ sơ có liệt kê văn bản góp ý của Ủy ban nhân dân xã Long Điền số 163/UBND ngày 08/3/2026. Tuy nhiên, trong hồ sơ chưa làm rõ địa phương đã góp ý những nội dung gì, mức độ tiếp thu đến đâu, nội dung nào đã tiếp thu hoàn toàn, nội dung nào tiếp thu một phần, nội dung nào chưa tiếp thu và lý do. Đây là hạn chế cần được khắc phục.

Địa phương đề nghị bổ sung riêng một phụ lục tổng hợp ý kiến của các xã, phường có dự án đi qua, trong đó thể hiện rõ từng nội dung góp ý của địa phương, cơ quan/đơn vị tiếp thu, phương án xử lý và vị trí cập nhật trong hồ sơ. Đối với đoạn qua xã Long Điền, yêu cầu nêu cụ thể kết quả rà soát liên quan đến dân cư ven tuyến, các điểm giao cắt với đường địa phương, cống thủy lợi, khu vực sản xuất muối và khu vực nuôi trồng thủy sản.

4. Về hiện trạng đoạn tuyến qua địa bàn xã Long Điền

Theo các tài liệu trong hồ sơ, đoạn qua xã Long Điền dài khoảng 6,02 km, nằm trong khoảng từ Km38+550 đến Km44+900. Tuy nhiên, hồ sơ hiện chủ yếu mô tả tổng thể toàn tuyến, trong khi phần riêng cho địa bàn xã Long Điền còn thiếu chiều sâu cần thiết đối với một hồ sơ trình chủ trương đầu tư. Địa phương đề nghị bổ sung hồ sơ mặt bằng, trắc dọc, mặt cắt ngang đại diện, thống kê nút

giao, cống ngang, cầu, vị trí nền yếu và các điểm nhạy cảm dân sinh riêng cho đoạn qua xã Long Điền.

Địa phương đặc biệt lưu ý đoạn tuyến đi qua khu vực dân cư ven tuyến hiện hữu phải được làm rõ giải pháp mở rộng trong trường hợp bám theo đường hiện trạng; trường hợp có đoạn chỉnh tuyến hoặc mở mới cần giải trình rõ lợi ích so sánh, khối lượng giải phóng mặt bằng phát sinh và tác động đến nhà ở, công trình phụ trợ, công trình hạ tầng kỹ thuật. Không nên chỉ mô tả phương án ở mức khái quát vì điều này chưa đủ cơ sở để địa phương đánh giá khả năng chấp nhận của cộng đồng dân cư.

Đối với các vị trí giao cắt giữa tuyến đường ven biển với các trục đường xã, đường dân sinh, đường vào khu sản xuất, bến bãi, khu nuôi trồng thủy sản hoặc khu làm muối, hồ sơ cần thể hiện rõ phương án tổ chức nút giao, bán kính rẽ, tầm nhìn, giải pháp thoát nước và bảo đảm lưu thông trong mùa mưa, triều cường. Việc đầu tư một tuyến giao thông có quy mô lớn nhưng không bảo đảm kết nối hợp lý với mạng lưới giao thông cơ sở sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khai thác và sinh hoạt của người dân.

5. Về đất đai, giải phóng mặt bằng và tái định cư

Hồ sơ đã có chương về phương án tổng thể giải phóng mặt bằng, nhưng ở giai đoạn hiện nay địa phương nhận thấy nội dung này vẫn còn ở mức khái quát. Đối với xã Long Điền, nơi có dân cư sống dọc tuyến, có đất ở, đất sản xuất muối, đất nuôi trồng thủy sản, đất giao thông, thủy lợi và có khả năng phát sinh nhu cầu di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, việc lượng hóa đầy đủ phạm vi ảnh hưởng là yêu cầu bắt buộc.

Địa phương đề nghị chủ đầu tư bổ sung bảng thống kê sơ bộ khối lượng giải phóng mặt bằng theo từng xã, trong đó riêng xã Long Điền phải xác định sơ bộ diện tích đất bị thu hồi theo từng loại đất, số hộ bị ảnh hưởng, số hộ bị ảnh hưởng nhà ở/công trình phụ, số hộ có nguy cơ phải bố trí tái định cư, chiều dài công trình điện - nước - viễn thông phải di dời, số lượng cống/rạch/điểm đầu nối bị tác động và khối lượng đất công, đất công ích nếu có.

Đặc biệt, hồ sơ cần làm rõ tác động đối với sinh kế của người dân đang sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản. Theo số liệu quy hoạch, riêng xã Long Điền có diện tích sản xuất muối tương đối lớn trong nhóm các xã ven biển. Nếu tuyến đi qua hoặc ảnh hưởng đến đường vào khu muối, kênh dẫn, thoát nước nội đồng hoặc diện tích sản xuất, thì phải đánh giá đầy đủ và đề xuất nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ, chuyển đổi nghề, tổ chức lại sản xuất hoặc đầu tư hạ tầng kết nối thay thế.

6. Về thủy lợi, thoát nước và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đoạn qua xã Long Điền là khu vực ven biển, chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều, mưa lớn, xâm nhập mặn, biến động dòng chảy và đặc điểm sản xuất gắn với nước mặn, nước lợ. Vì vậy, bất kỳ phương án nền đường, cầu, cống, rãnh dọc, cống ngang nào cũng phải được tính toán trên cơ sở không làm cản trở dòng

chảy, không làm phát sinh ngập úng cục bộ, không gây chia cắt hệ thống thủy lợi nội đồng và không làm thay đổi bất lợi điều kiện cấp - thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, làm muối và dân sinh.

Địa phương đề nghị hồ sơ phải bổ sung đánh giá riêng về thủy văn - tiêu thoát nước đoạn qua từng xã, trong đó có xã Long Điền; làm rõ tần suất tính toán, cao độ khống chế, vị trí các dòng chảy chính, khả năng tiêu thoát nước từ hai bên tuyến, phương án bố trí công ngang theo khoảng cách hợp lý, giải pháp xử lý các điểm trũng và các đoạn có nguy cơ bị ảnh hưởng do triều cường, nước biển dâng. Cần tránh tình trạng bố trí công theo kinh nghiệm hoặc quá thừa, dẫn đến sau khi dự án hoàn thành thì nước không thoát được, gây ngập sản xuất, ngập nhà dân.

Địa phương cũng lưu ý việc thiết kế cao độ nền đường phải được cân nhắc hài hòa giữa yêu cầu chống ngập, bảo đảm khai thác và khả năng kết nối với đường dân sinh hiện hữu. Nếu nâng cao độ nền đường quá lớn mà không có đường gom, đường nhánh đầu nối hợp lý, không có giải pháp cho dân cư hai bên tuyến ra vào an toàn thì sẽ làm gia tăng nguy cơ tai nạn, bất tiện trong sinh hoạt và chia cắt không gian sản xuất - dân cư.

Về góc độ thích ứng biến đổi khí hậu, hồ sơ cần chứng minh phương án lựa chọn đã tính đến xu thế sạt lở bờ biển, nước biển dâng, triều cường và biến động thủy hải văn trong toàn bộ thời gian khai thác công trình; không nên chỉ nêu chung chung ở phần sự cần thiết đầu tư mà chưa chuyên hóa thành yêu cầu kỹ thuật cụ thể trong nền đường, cầu cống, thoát nước và bảo vệ công trình.

7. Về môi trường, hệ sinh thái đất ngập nước, rừng ngập mặn

Qua đối chiếu các tài liệu quy hoạch và hiện trạng môi trường của tỉnh, địa phương nhận thấy khu vực ven biển có nhiều yếu tố nhạy cảm về môi trường, đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Trong đó, không gian ven biển có liên quan đến khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn ven biển và các vùng đất ngập nước cần được bảo vệ, đồng thời là địa bàn sinh sống, sản xuất của người dân.

Vì vậy, hồ sơ phải xác định rõ các khu vực nhạy cảm môi trường dọc tuyến, khoảng cách từ tuyến đến khu vực rừng ngập mặn, đất ngập nước, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, khu dân cư ven biển và các kênh rạch có vai trò sinh thái - thủy lợi quan trọng. Phần đánh giá tác động môi trường trong hồ sơ hiện còn mang tính bao quát, cần bổ sung mức độ chi tiết đối với từng đoạn, đặc biệt là đoạn qua khu vực xã Long Điền.

Địa phương đề nghị làm rõ: giải pháp quản lý bãi đổ thải, vị trí mỏ vật liệu, tuyến vận chuyển vật liệu; giải pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước rửa xe máy, chất thải rắn và chất thải nguy hại trong thi công; giải pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu, rò rỉ nhiên liệu; giải pháp kiểm soát bụi, tiếng ồn và rung đối với khu dân cư; nguyên tắc phục hồi hiện trạng môi trường sau thi công. Các nội dung này không thể để ở mức khẩu hiệu mà phải có yêu cầu cụ thể để làm cơ sở cho bước sau.

Đối với khu vực dân cư sống dựa vào nghề muối, nghề biển, nuôi trồng thủy sản và các hệ sinh thái ven biển, địa phương đề nghị chủ đầu tư bổ sung đánh giá tác động cộng gộp giữa thi công dự án với các tác động sẵn có của biển đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, bồi lắng, từ đó đề ra biện pháp quản lý môi trường phù hợp. Đây là yêu cầu thực chất, sát điều kiện địa phương, tránh tình trạng dự án làm gia tăng rủi ro môi trường trong khi mục tiêu đề ra lại là thích ứng khí hậu.

8. Về khảo sát, dự báo nhu cầu giao thông và quy mô đầu tư

Địa phương ghi nhận việc hồ sơ đã tổ chức khảo sát, đếm xe, phỏng vấn OD và sử dụng mô hình bốn bước để dự báo giao thông. Tuy nhiên, để bảo đảm thuyết phục hơn, đề nghị chủ đầu tư bổ sung giải trình về đặc trưng giao thông theo mùa, theo thời điểm thu hoạch muối, nuôi trồng thủy sản, vận chuyển vật tư đầu vào và vận chuyển hàng hóa đầu ra tại khu vực ven biển, bởi đây là nhóm lưu lượng có tính mùa vụ rõ rệt và ảnh hưởng trực tiếp đến bài toán tổ chức giao thông của địa phương.

Đối với đoạn qua xã Long Điền, cần làm rõ hơn vai trò của tuyến trong kết nối với các trục ngang ra khu sản xuất, khu dân cư và khu vực có tiềm năng phát triển đô thị, dịch vụ hoặc logistics ven biển. Chỉ tiêu lưu lượng dự báo nên được đối chiếu với khả năng phát triển không gian của xã sau khi tuyến đường hình thành, tránh tình trạng luận chứng quy mô quá thấp làm hạn chế khai thác về sau hoặc luận chứng quá cao nhưng thiếu cơ sở thực tiễn.

Địa phương cơ bản đồng tình với định hướng đầu tư tuyến chính theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. Tuy nhiên, hồ sơ cần chứng minh rõ hơn việc lựa chọn bề rộng nền đường, bề rộng mặt đường, số lượng và vị trí điểm mở dải phân cách (nếu có), vị trí nút giao, giải pháp đoạn qua khu dân cư, giải pháp đoạn đi qua khu vực có mật độ đầu nổi cao. Với khu vực dân cư ven tuyến, an toàn khai thác trong giai đoạn sau đầu tư cần được coi trọng tương đương với năng lực thông hành.

9. Về giải pháp thiết kế nền đường, cầu cống và xử lý nền đất yếu

Địa bàn ven biển nói chung và khu vực xã Long Điền nói riêng có điều kiện địa chất công trình phức tạp, nền đất yếu, độ ẩm cao, nguy cơ lún kéo dài. Vì vậy, luận chứng về xử lý nền đất yếu phải được làm rõ ngay từ bước tiền khả thi ở mức phù hợp, nhất là với những đoạn mở rộng hoặc mở mới có nền đất bùn yếu, khu vực gần kênh rạch hoặc vùng sản xuất nuôi trồng thủy sản.

Địa phương đề nghị hồ sơ phải bổ sung phân loại sơ bộ các đoạn nền yếu, dự kiến chiều sâu xử lý, nguyên tắc lựa chọn giải pháp xử lý nền (bắc thăm, gia tải, trụ đất xi măng, vải địa kỹ thuật hoặc các giải pháp kết hợp), đánh giá nguy cơ lún lệch tại vị trí đầu cầu - cống và ảnh hưởng của quá trình gia tải đến nhà dân, công trình hiện hữu. Nếu hồ sơ chưa lượng hóa được các rủi ro này thì tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện rất dễ biến động ở bước sau.

Đối với cầu, cống, địa phương đề nghị rà soát kỹ khẩu độ, vị trí, cao độ đáy, khả năng thông nước và khai thác thủy lợi, thủy sản; không bố trí cống chỉ theo khoảng cách hình học mà phải dựa vào thực tế dòng chảy, nhu cầu cấp - thoát nước sản xuất của từng khu vực. Trong thực tế địa phương, chỉ cần một số vị trí cống bố trí chưa hợp lý là có thể gây ú nước, thay đổi độ mặn hoặc ảnh hưởng đến cả vùng sản xuất.

Đối với kết cấu mặt đường, cần làm rõ hơn luận cứ lựa chọn trong điều kiện nền đất yếu, mưa nhiều, xe tải chở vật liệu, thủy sản, muối và lưu lượng xe cơ giới có xu hướng tăng. Địa phương đề nghị đánh giá thêm nguy cơ hằn lún, nứt phản ánh và yêu cầu quản lý tải trọng trong giai đoạn đầu khai thác.

10. Về nguồn vật liệu, bãi đổ thải, vận chuyển vật liệu

Hồ sơ đã đề cập nguồn vật liệu cho dự án, nhưng địa phương đề nghị phải rà soát kỹ hơn tính khả thi về khoảng cách vận chuyển, công suất cung cấp, điều kiện pháp lý của mỏ vật liệu, khả năng tiếp nhận của hệ thống đường hiện hữu và tác động đến môi trường, dân sinh trên các tuyến vận chuyển. Dự án có quy mô lớn, nếu tổ chức cung ứng vật liệu không chặt chẽ sẽ dễ phát sinh hư hỏng đường địa phương, bụi, bùn đất, mất an toàn giao thông và khiếu nại của người dân.

Đối với xã Long Điền, cần làm rõ các tuyến dự kiến vận chuyển vật liệu đi qua địa bàn, phương án hạn chế xe quá tải, quá khổ, thời gian vận chuyển, giải pháp vệ sinh môi trường, hoàn trả mặt đường bị hư hỏng và trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương. Địa phương đề nghị nguyên tắc này phải được nêu từ giai đoạn tiền khả thi để làm cơ sở quản lý về sau.

11. Về tổ chức thi công, bảo đảm dân sinh và an toàn giao thông

Hồ sơ cần bổ sung nội dung tổ chức thi công theo hướng phù hợp thực tế địa bàn ven biển, trong đó tính đến việc nhiều đoạn tuyến tận dụng hoặc mở rộng đường hiện hữu. Đề nghị chủ đầu tư bổ sung nguyên tắc tổ chức thi công cuốn chiếu, bảo đảm luôn duy trì giao thông, bảo đảm lối ra vào nhà dân, trường học, cơ sở y tế, chợ, khu sản xuất; đồng thời phải có đầu mối thường trực phối hợp với chính quyền xã để xử lý ngay các phát sinh trong thi công.

Ủy ban nhân dân xã Long Điền báo cáo đề Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.



**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH CÀ MAU**

Số 508 /CAT-ANKT

V/v góp ý thẩm định Báo cáo
nghiên cứu tiền khả thi Dự án
Đường ven biển đoạn qua tỉnh
Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối
đường Nam Sông Hậu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau

Ngày 16/4/2026, Công an tỉnh nhận được Công văn số 3592/STC-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư lấy ý kiến nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu - gọi tắt là Dự án; qua nghiên cứu tài liệu kèm theo, Công an tỉnh chưa phát hiện tình hình an ninh, trật tự tác động liên quan việc lập báo cáo tiền khả thi Dự án nêu trên; đề nghị Sở Tài chính phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật, nhất là phải phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan rà soát các yếu tố về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển giao thông của tỉnh, phương án kỹ thuật, hướng tuyến; công tác giải phóng mặt bằng và các nội dung có liên quan bảo đảm quy định pháp luật để bảo đảm tính khả thi của dự án, tránh phát sinh tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Công an tỉnh Cà Mau trao đổi Sở Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trao đổi);
- Đ/c Giám đốc CAT (để báo cáo);
- Lưu: VT, ANKT(GTXD, Kim Tiến).



Đại tá Nguyễn Phúc Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GÀNH HÀO**

Số: 937 /UBND

V/v góp ý thẩm định Báo
cáo nghiên cứu tiền khả thi
Dự án đường ven biển đoạn
qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn
nhánh kết nối đường Nam
Sông Hậu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gành Hào, ngày 21 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tỉnh
(*Thường trực Hội đồng thẩm định Sở Tài chính*)

Ủy ban nhân dân xã nhận được Công văn số 3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tỉnh (*Thường trực Hội đồng thẩm định Sở Tài chính*) về lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

Qua nghiên cứu và trong phạm vi chức năng, quản lý của xã, Ủy ban nhân dân xã có ý kiến như sau:

1. Việc triển khai đầu tư xây dựng Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu (*đoạn qua địa bàn xã Gành Hào*) là cần thiết; nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã, tăng cường năng lực vận tải; đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của Nhân dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Tại Báo cáo thuyết minh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Tại trang số 13 còn đề "*thị trấn Gành Hào*", kiến nghị điều chỉnh thành "*xã Gành Hào*".

- Tại trang số 67, 83 và 88, kiến nghị điều chỉnh từ đường "*Trần Thị Kỳ*" thành đường "*Hồ Thị Kỳ*";

- Tại trang số 68, 83 và 88, kiến nghị điều chỉnh từ: đường "*Phùng Ngọc Liên*" thành đường "*Phùng Ngọc Liêm*".

Đối với các nội dung khác không thuộc phạm vi quản lý hoặc có yếu tố chuyên ngành, kiến nghị Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tỉnh (*Thường trực Hội đồng thẩm định Sở Tài chính*) phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định theo quy định.

3. Kiến nghị: Chủ đầu tư cần phối hợp UBND xã Gành Hào trong thiết kế tuyến đường nhằm đảm bảo phục vụ phát triển kinh tế xã hội, như: (1) Thiết kế các cống tại các đầu kênh để lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản; (2) Về vị trí Tim lộ cần điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế nhằm hạn chế thấp nhất khó khăn, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng. Lưu ý đây là nội dung rất quan trọng, kính báo cáo Hội đồng thẩm định quan tâm.

Trên đây là nội dung góp ý của Ủy ban nhân dân xã./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trưởng Phòng Kinh tế;
- Phó Chánh Văn phòng phụ trách;
- Chuyên viên Văn phòng (*Đăng*);
- Lưu: VT, PKT-Hduy.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Dúng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 637 /UBND-PKT
V/v lấy ý kiến thẩm định Báo cáo
nghiên cứu tiền khả Dự án đường
ven biển qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và
đoạn nhánh kết nối đường Nam
Sông Hậu.

Đông Hải, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.

Thực hiện Công văn số 3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển qua tỉnh Bạc Liêu (cũ) và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải có ý kiến như sau:

- Về sự cần thiết đầu tư: thống nhất theo định hướng xây dựng tuyến đường ven biển nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng và phục vụ quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, đối với địa bàn xã Đông Hải, cần nhấn mạnh rõ hơn vai trò của dự án trong việc hỗ trợ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, đặc biệt là nuôi tôm siêu thâm canh, quảng canh cải tiến kết hợp và các mô hình tôm - rừng và sản xuất nghề muối. Hiện nay, kinh tế của xã chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất thủy sản, trong khi hạ tầng giao thông còn hạn chế, nhiều tuyến đường nhỏ hẹp, xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

- Về điều kiện đặc thù xã Đông Hải có địa hình thấp, hệ thống kênh rạch chằng chịt, chịu ảnh hưởng mạnh của triều cường, xâm nhập mặn và sạt lở bờ biển. Do đó, khi xác định hướng tuyến cần đặc biệt lưu ý lựa chọn cao trình thiết kế phù hợp, đảm bảo không làm cản trở dòng chảy tự nhiên, không gây ngập úng cục bộ cho các vùng nuôi trồng thủy sản. Đề nghị nghiên cứu bố trí đầy đủ hệ thống cống, cầu nhỏ qua kênh nội đồng để đảm bảo lưu thông nước phục vụ sản xuất. Cần rà soát kỹ các vị trí giao cắt với đường dân sinh, kênh rạch nội đồng nhằm đảm bảo thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất của người dân, hạn chế chia cắt không gian sản xuất, đặc biệt tại các vùng nuôi tôm công nghiệp và quảng canh cải tiến.

- Về đoạn nhánh kết nối tuyến Nam Sông Hậu, đề nghị phân tích cụ thể hơn nhu cầu vận tải của người dân trên địa bàn xã Đông Hải và khu vực lân cận. Hiện nay, nhu cầu vận chuyển tôm nguyên liệu, thức ăn thủy sản, vật tư sản xuất là rất lớn, nhưng phụ thuộc chủ yếu vào các tuyến đường nhỏ hẹp. Do đó, nếu đoạn nhánh được đầu tư hợp lý sẽ góp phần giảm chi phí logistics, nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân. Tuy nhiên, cần tính toán vị trí kết nối thuận lợi, tránh đi qua khu vực dân cư đông đúc gây ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân.

- Về công tác giải phóng mặt bằng: địa bàn xã Đông Hải có nhiều hộ dân sinh sống xen kẽ với ao đầm nuôi tôm, việc thu hồi đất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân. Đề nghị báo cáo cần đánh giá chi tiết số hộ bị ảnh hưởng, diện tích đất nuôi trồng thủy sản bị thu hồi và có phương án bồi thường, hỗ trợ phù hợp. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề hoặc cải tạo lại ao nuôi để người dân sớm ổn định sản xuất.

- Về môi trường: cần đánh giá tác động của quá trình thi công đến chất lượng nước trong các vuông tôm, tránh tình trạng bùn đất, chất thải xây dựng làm ô nhiễm nguồn nước, gây thiệt hại cho người dân. Đề nghị bổ sung các biện pháp kiểm soát môi trường chặt chẽ trong suốt quá trình thi công.

- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: đề nghị lượng hóa rõ hơn lợi ích đối với cấp xã, như giảm thời gian vận chuyển, giảm chi phí sản xuất, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Đồng thời, tuyến đường ven biển còn có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng gắn với rừng ngập mặn và đời sống người dân ven biển, cần được nghiên cứu khai thác trong dài hạn.

- Về tiến độ và phân kỳ đầu tư: đề nghị ưu tiên triển khai các đoạn đi qua khu vực có nhu cầu bức thiết về giao thông, khu vực sản xuất tập trung của xã Đông Hải nhằm sớm phát huy hiệu quả. Đồng thời, cần có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động người dân đồng thuận thực hiện dự án.

Ủy ban nhân dân xã Đông Hải kính gửi Sở Tài chính tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bửu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HIỆP THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 962 /UBND-KTHTĐT

Hiệp Thành, ngày 22 tháng 4 năm 2026

V/v góp ý thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu

Kính gửi: Sở Tài chính.

Thực hiện Công văn số 3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành có ý kiến góp ý như sau:

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu đã cập nhật theo Công văn số 4431/UBND-NNXD ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thống nhất phương án hướng tuyến Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

- Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành kiến nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn phối hợp với Sở Xây dựng cập nhật điều chỉnh hướng tuyến này vào Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bạc Liêu do Sở Xây dựng tổ chức lập trong thời gian tới.

Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP UBND phường;
- Lưu: VT.NTTH.

CHỦ TỊCH



Lâm Danh Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG VINH TRẠCH**

Số: 923 /UBND-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Trach, ngày 23 tháng 4 năm 2026

V/v góp ý kiến thẩm định Báo
cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án
đường ven biển đoạn qua tỉnh
Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối
đường Nam Sông Hậu

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ủy ban nhân dân phường Vinh Trach nhận được Công văn số 3592/STC-HĐTĐ ngày 14/4/2026 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu.

Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản, Ủy ban nhân dân phường Vinh Trach có ý kiến như sau:

1. Theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tại trang 77, phường Vinh Trach có phạm vi giải phóng mặt bằng bị ảnh hưởng là 56,325.10m² đất làm muối. Tuy nhiên qua kiểm kê đất đai năm 2025, phường Vinh Trach không còn diện tích đất làm muối. Do đó, đề nghị rà soát nhằm đảm bảo chi phí giải phóng mặt bằng trong tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Phương án tuyến đoạn kết nối với Đường Nam Sông Hậu có quy mô mặt cắt ngang không đồng nhất tại nút giao đường Vành đai ngoài. Do đó, đề nghị điều chỉnh cho đồng bộ hệ thống giao thông khu vực.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân phường Vinh Trach gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, PCT UBND phường;
- CVP, PCVP HĐND&UBND phường;
- Lưu VT, VP (PG).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Nghị